



CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN --- 2024



MỤC LỤC

04

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG

- 07 THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- 08 QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
- 10 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG
- 12 THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- 16 ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- 18 CÁC RỦI RO

22

CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- 26 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- 36 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- 38 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 42 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU
- 44 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

49

CHƯƠNG III: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 50 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
- 52 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 54 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
- 56 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2025
- 57 GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- 58 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

61

CHƯƠNG IV: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 62 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- 62 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 62 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

65

CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 66 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 69 BAN KIỂM SOÁT
- 70 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

74

CHƯƠNG VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024

- 76 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2024





CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG

07	THÔNG TIN KHÁI QUÁT
08	QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
10	NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG
12	THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
16	ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
18	CÁC RỦI RO

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



- Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
- Tên tiếng anh : VINATEX DANANG JOINT STOCK COMPANY
- Giấy chứng nhận ĐKDN số : 0400410498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 08/08/2005, cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 25/11/2024
- Mã cổ phiếu : VDN
- Vốn điều lệ : 32.989.100.000 đồng
- Trụ sở chính : 25 Trần Quý Cáp, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại : 0236.3827116
- Fax : 0236.3823367
- Website : www.vinatexdn.com.vn

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



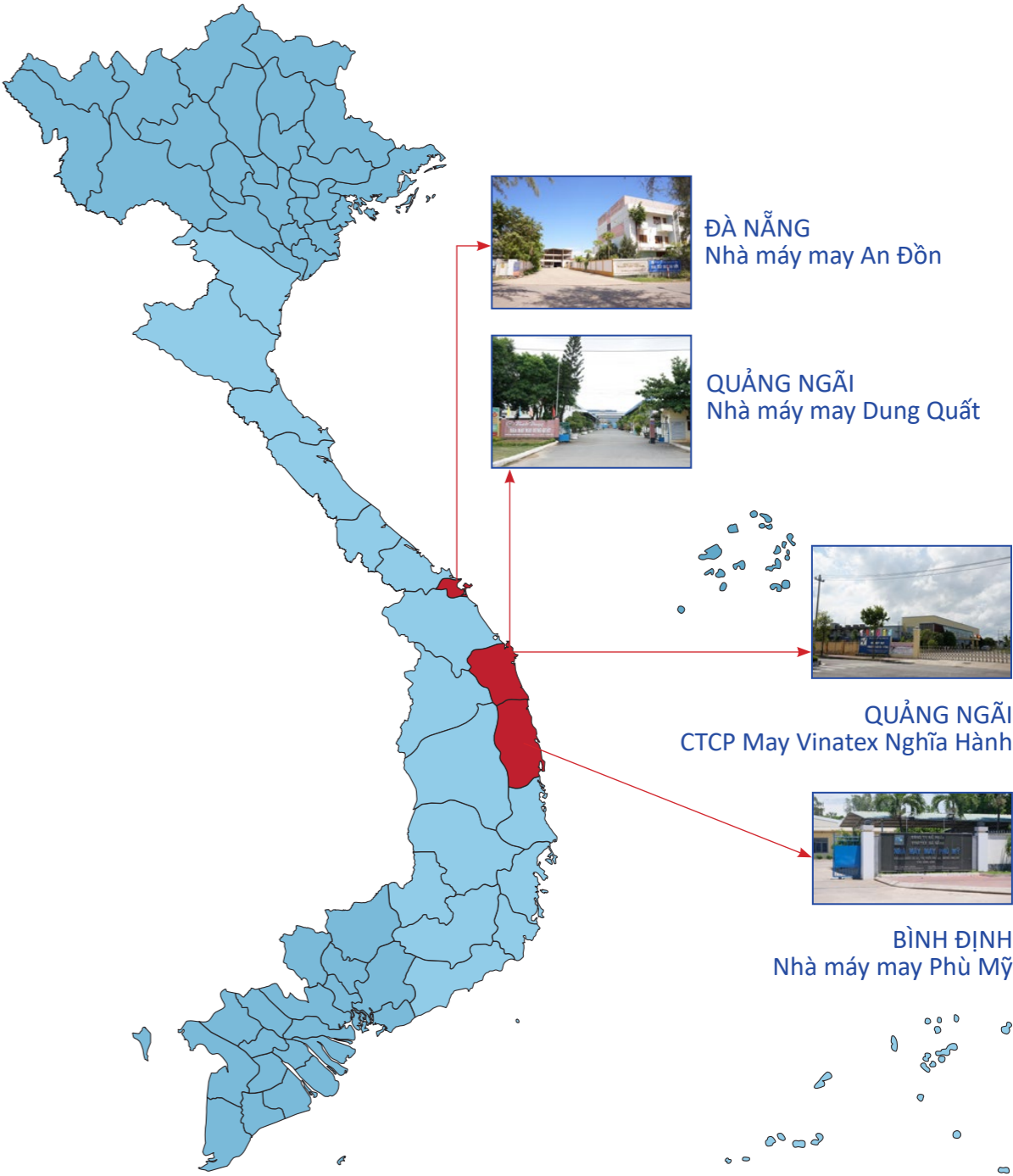
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

STT	TÊN NGÀNH	MÃ NGÀNH
1	Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục) Chi tiết : sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, áo len	1322 (Chính)
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
3	Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép	4669
4	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày	4659
5	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.	5229
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ	4773
8	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết : Đại lý mua bán hàng hóa (Trừ việc thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4610
9	Bán mô tô, xe máy	4541
10	Lắp đặt hệ thống điện	4321
11	Xây dựng nhà các loại	4100
12	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết kinh doanh bất động sản (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
13	Khách sạn	5501
14	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết : Kinh doanh nhà hàng	5601
15	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
16	Trồng cây hàng năm khác	0119
17	Trồng cây ăn quả	0121
18	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
19	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

ĐƠN VỊ SẢN XUẤT

Công ty hiện có 03 nhà máy may trực thuộc và 01 công ty con. Hoạt động sản xuất tập trung ở Đà Nẵng, Quảng Ngãi và Bình Định.

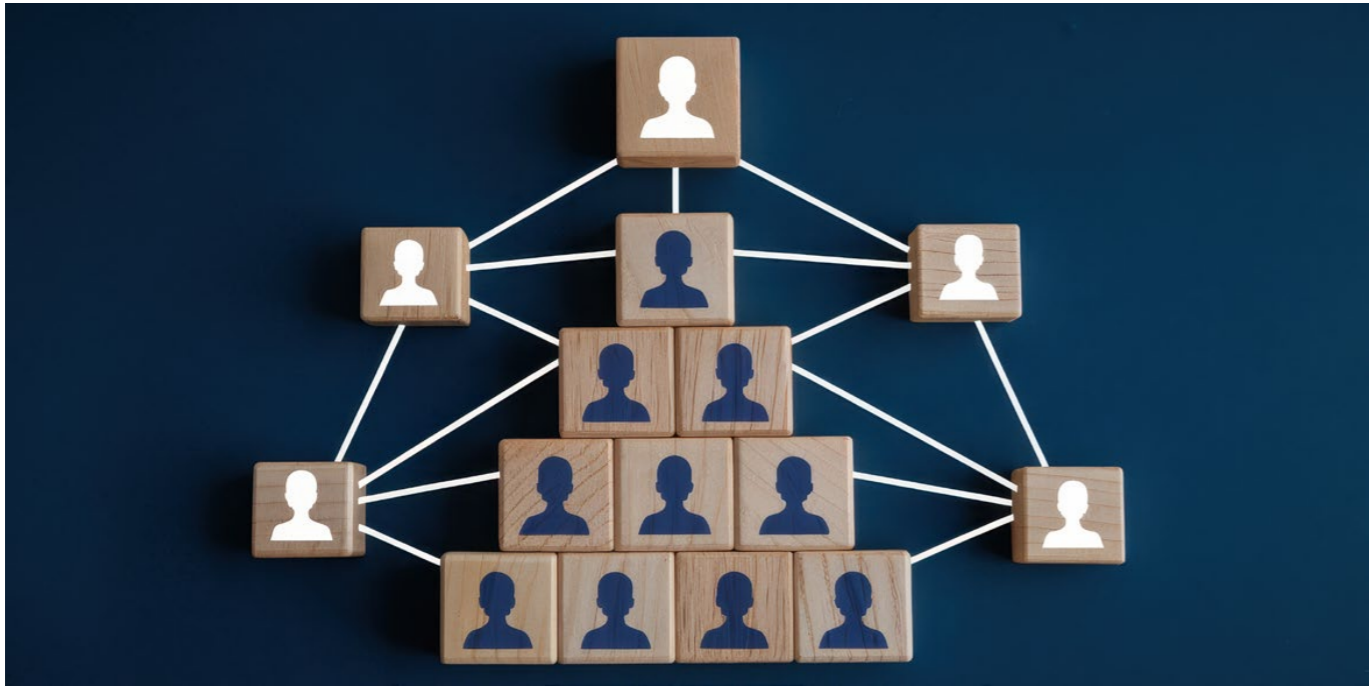


THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Xuất khẩu chủ yếu qua các thị trường quốc tế như Mỹ, Nhật, Châu Âu.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc. Trong đó:

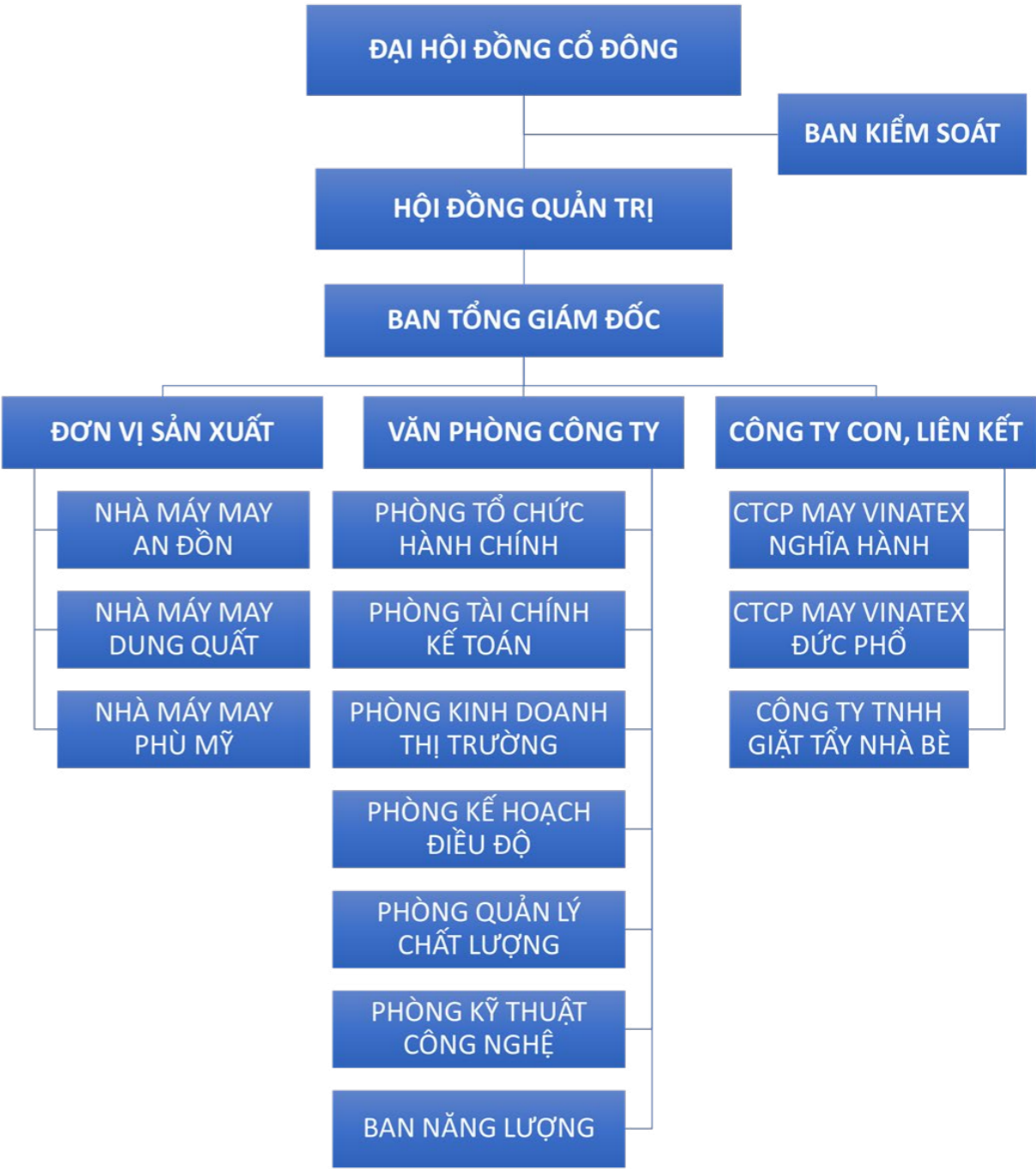
Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông có quyền xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty, quyết định tổ chức lại hoặc giải thể công ty và thông qua định hướng phát triển của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của Công ty quy định.

Ban kiểm soát: Ban kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc được HĐQT bổ nhiệm, có nhiệm vụ thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế hoạt động của HĐQT, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại; chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT.

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC, CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Nhà máy may An Đồn:

Địa chỉ: Đường số 2, Lô 40-41 Khu công nghiệp Đà Nẵng, P. An Hải Bắc, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Sản phẩm chủ lực: Quần tây, Áo Jacket, bảo hộ lao động, hàng thời trang

Thị trường chính: Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu



Nhà máy may Dung Quất:

Địa chỉ: Lô L1, Phân khu công nghiệp Sài Gòn – Dung Quất, xã Bình Thạnh, huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Sản phẩm chủ lực: Quần tây, Jacket, áo quần trẻ em

Thị trường chính: Mỹ



Nhà máy may Phù Mỹ:

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Sản phẩm chủ lực: Bảo hộ lao động, Jacket

Thị trường chính: Nhật Bản, Mỹ, Châu Âu



Công ty con: Công ty Cổ phần May Vinatex Nghĩa Hành

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Đồng Dinh, Thị trấn Chợ Chùa, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Vốn góp: 15,3 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 51% VDL)



Công ty liên kết: Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phổ Hòa, Thôn An Thường, Xã Phổ Hòa, Huyện Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi

Lĩnh vực SXKD: Sản xuất, gia công hàng may mặc

Vốn góp: 6 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 24% VDL)

Công ty liên kết: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

Lĩnh vực SXKD: Tẩy vải, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo

Vốn góp: 9,3 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 31% VDL)

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



TẦM NHÌN

Vinatex Đà Nẵng có thể mang những xu hướng thời trang mới nhất đến với người Việt Nam và thế giới với tư cách là nhà cung cấp sản phẩm thời trang công nghệ hàng đầu.

SỨ MỆNH

Vinatex Đà Nẵng mang đến cho khách hàng và người tiêu dùng những sản phẩm thời trang đáng tin cậy cùng dịch vụ chuyên nghiệp, tạo dựng sự tin tưởng khi đồng hành cùng thương hiệu Vinatex Đà Nẵng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- **Khách hàng là trọng tâm:** Luôn đặt khách hàng lên hàng đầu và cam kết mang đến sản phẩm, dịch vụ tốt nhất.
- **Trách nhiệm xã hội:** Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng bằng cách đóng góp cho xã hội, bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững.
- **Sáng tạo và chất lượng:** Không ngừng đổi mới để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ độc đáo, chất lượng cao.
- **Trách nhiệm với người lao động:** Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và nhiều cơ hội để người lao động phát triển.
- **Linh hoạt và hiệu quả:** Cung cấp dịch vụ nhanh chóng, chính xác, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng và đối tác.

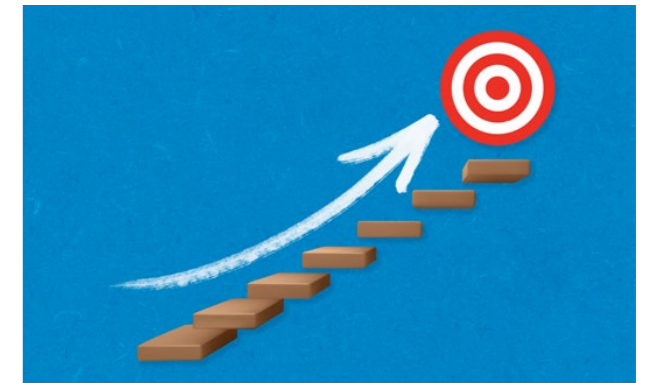
CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Nâng cao năng suất lao động bình quân 700 USD/người/tháng, nâng cao tiền lương & thu nhập của người lao động.
- Đẩy mạnh công tác nguồn nhân lực, bồi dưỡng & đào tạo nhân lực, giao việc & hướng dẫn.
- Giữ vững & ổn định chất lượng sản phẩm, tăng năng lực cạnh tranh.
- Nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG & DÀI HẠN

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào các mặt hoạt động SXKD của Công ty.
- Đầu tư các thiết bị có tính tự động hóa cao, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào trong sản xuất có hiệu quả, hạn chế phụ thuộc vào trình độ tay nghề của người lao động.
- Tư duy đột phá, đổi mới sáng tạo không ngừng trong toàn bộ hoạt động SXKD.
- Chăm lo & nâng cao đời sống của người lao động cả về vật chất lẫn tinh thần.



CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Không ngừng nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.
- Giữ ổn định hoạt động SXKD của Công ty, đảm bảo hài hòa lợi của doanh nghiệp - người lao động - cổ đông & khách hàng.
- Xây dựng môi trường làm việc xanh & an toàn để người lao động an tâm làm việc, cống hiến.
- Tuân thủ các qui định của pháp luật về môi trường.
- Nâng cao các chế độ phúc lợi cho người lao động.
- Quan tâm đến cộng đồng xã hội, hỗ trợ & giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, vùng sâu vùng xa.



CÁC RỦI RO

RỦI RO VỀ KINH TẾ

Năm 2024 đánh dấu một giai đoạn đầy thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu khi những yếu tố tiêu cực tiếp tục tác động sâu rộng, bao gồm xung đột địa chính trị, thiên tai khắc nghiệt và chính sách tiền tệ thắt chặt trong nửa đầu năm. Tại Mỹ, tốc độ tăng trưởng kinh tế đã chững lại, đạt 2,8% so với mức 2,9% của năm 2023. Trong khi đó, Trung Quốc dù triển khai các biện pháp kích thích như hỗ trợ thị trường bất động sản và cắt giảm lãi suất điều hành, nhưng mức tăng trưởng vẫn giảm nhẹ từ 5,2% xuống 5,0%.

Khu vực Eurozone ghi nhận mức tăng trưởng 0,7% trong năm 2024, cải thiện so với 0,4% của năm trước. Tuy nhiên, các nền kinh tế chủ chốt như Đức và Pháp tiếp tục đối mặt với suy giảm do bất ổn chính trị, khiến doanh nghiệp và người tiêu dùng lo ngại về triển vọng chi tiêu, chính sách thuế và các quy định tương lai. Đặc biệt, Đức – nền kinh tế đầu tàu khu vực – tiếp tục tăng trưởng âm năm thứ hai liên tiếp với mức giảm 0,2%, kéo theo sự trì trệ chung của Eurozone so với hai đối thủ phát triển nhanh hơn là Mỹ và Trung Quốc.

Tổng thể, nền kinh tế toàn cầu trong năm 2024 vẫn đạt mức tăng trưởng 3,2%. Các nền kinh tế phát triển tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong quá trình phục hồi, khi chính sách tiền tệ dần phát huy hiệu quả và lạm phát từng bước được kiểm soát.

Năm 2025 hứa hẹn vẫn sẽ là một năm đầy thử thách và khó lường, với những biến động cần được theo dõi và cập nhật thường xuyên. Mặc dù không có dự báo chắc chắn về nguy cơ suy thoái, nhưng tình hình địa chính trị vẫn là yếu tố quan trọng có thể ảnh hưởng sâu rộng đến kinh tế toàn cầu. Hơn nữa, IMF cảnh báo một kịch bản không thuận lợi cho nền kinh tế thế giới nếu xảy ra cuộc chiến thuế quan giữa các nền kinh tế lớn, đặc biệt trong bối cảnh Tổng thống Mỹ mới, Donald Trump, thực thi chiến dịch áp thuế nhập khẩu hàng hóa hàng loạt vào Mỹ, như đã tuyên bố vào cuối năm 2024 trong chiến dịch tranh cử của mình.

Với tình hình hiện tại, Ban lãnh đạo Công ty sẽ tiếp tục theo dõi và cập nhật thông tin về tình hình kinh tế trong và ngoài nước để điều chỉnh chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt, phù hợp với những biến động có thể xảy ra.

RỦI RO VỀ LÃI SUẤT

Sau kết quả cuộc họp tháng 9/2024 với quyết định giảm mạnh 0,5% lãi suất quỹ liên bang (EFFR) xuống mức 4,75-5% của Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) cho thấy cơ quan này đã yên tâm phần nào với tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp đang dần được kiểm soát khi đã kiên quyết duy trì lãi suất ở mức cao trong suốt 9 tháng đầu năm. Sau đó, FED đã có thêm 2 đợt giảm lãi suất vào kỳ họp tháng 11 và tháng 12. Như vậy, năm 2024, FED có tổng cộng 3 đợt giảm lãi suất xuống mức 4,25-4,5% vào thời điểm cuối năm. Đáng chú ý, tại kỳ họp tháng 12/2024, Chủ tịch FED Jerome Powell cho biết, lạm phát tại Mỹ năm nay đang “đi ngang” và FED dự kiến chỉ giảm lãi suất thêm hai lần vào năm 2025, ít hơn so với dự báo bốn lần hồi tháng 9/2024. Sự thay đổi này, cùng với việc đồng USD mạnh hơn và khả năng chính quyền của Tổng thống đắc cử Donald Trump áp đặt các chính sách thuế quan mới, đã làm gia tăng sự bất định về các chính sách nới lỏng tiền tệ trên toàn thế giới.

Ở Việt Nam, trong năm 2024, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vẫn tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành trước đó nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức tín dụng tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp để góp phần hỗ trợ nền kinh tế. Tuy vậy, áp lực lãi suất cho vay tăng cao vẫn rất lớn, đặt biệt là giai đoạn cuối năm. Lãnh đạo NHNN chia sẻ rằng, việc điều hành lãi suất hiện nay gặp không ít khó khăn do áp lực từ thị trường quốc tế và tình hình trong nước. Biến động của đô la Mỹ trong thời gian qua, cùng với những căng thẳng về cung, cầu ngoại tệ, đã khiến NHNN phải ưu tiên ổn định tỷ giá.

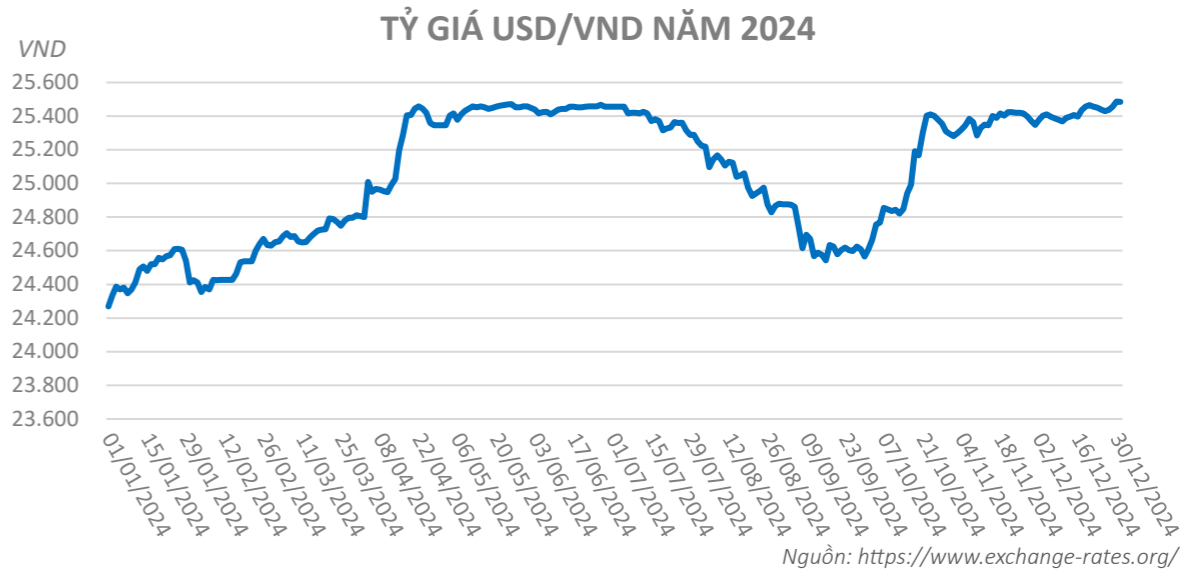
Là một công ty sử dụng đòn bẩy tài chính cao, dư nợ ngắn hạn lớn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, rủi ro liên quan đến lãi suất là yếu tố mà Công ty không thể bỏ qua. Việc tăng lãi suất sẽ ảnh hưởng đến chi phí lãi vay, từ đó tác động trực tiếp đến hiệu quả hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro từ lãi suất, Ban lãnh đạo Công ty luôn theo dõi sát sao và cập nhật thường xuyên tình hình lãi suất, từ đó kịp thời điều chỉnh chiến lược, kế hoạch và lựa chọn nguồn vốn phù hợp với tình hình thực tế.



RỦI RO VỀ TỶ GIÁ

Trong 6 tháng đầu năm 2024, đồng VND đã mất giá tới 4,65% so với USD lên mức 25.460 VND/USD trên thị trường liên ngân hàng. Trong giai đoạn đó, kỳ vọng cắt giảm lãi suất của FED thấp, khiến khác biệt về chính sách điều hành trở nên rõ nét và đưa chênh lệch lãi suất VND/USD tăng cao. Để hỗ trợ thị trường, NHNN đã phải can thiệp thông qua nghiệp vụ bán USD từ dự trữ ngoại hối cũng như phát hành tín phiếu ngắn hạn nhằm giảm đà tăng của tỷ giá.

Bước sang quý 3, xu hướng tỷ giá đảo chiều khi đồng USD/VND giảm mạnh trở lại, về mức 24.600, tương đương mức mất giá chỉ còn 1,3% vào cuối tháng 9. Điều này có được nhờ các biện pháp hỗ trợ thị trường từ các cơ quan điều hành, cùng với việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) hạ lãi suất lần đầu tiên, khiến chỉ số đồng USD hạ nhiệt và giúp thu hẹp chênh lệch lãi suất VND/USD.



Tuy nhiên, sang quý 4, áp lực tỷ giá lại tăng lên. Tỷ giá VND/USD tiếp tục tăng mạnh, tiệm cận mức đỉnh cũ của năm. Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã phải tiếp tục can thiệp để ổn định tỷ giá. Tính từ đầu năm đến cuối năm 2024, tỷ giá USD/VND đã tăng gần 4,6%. Trong khi đó, tại nhiều quốc gia lớn, đồng tiền của họ lại mất giá mạnh nữa, như đồng Won Hàn Quốc (11,6%) và đồng Yên Nhật (10,85%). Các chính sách nới lỏng tài khóa của chính quyền mới, cùng với các chính sách nhập cư nghiêm ngặt và lãi suất cao ở Mỹ so với các nền kinh tế khác, dự báo sẽ tiếp tục giúp đồng USD mạnh lên trong năm 2025.

Trong hoạt động sản xuất và xuất nhập khẩu, rủi ro tỷ giá luôn được Công ty chú trọng và đánh giá cẩn thận. Công ty phải đối mặt với tác động lớn từ sự biến động tỷ giá khi hoạt động sản xuất kinh doanh chính là gia công hàng may mặc, phải nhập khẩu nguyên liệu từ các quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc và xuất khẩu sang các thị trường quốc tế chiếm tỷ trọng lớn, bao gồm Mỹ, Nhật Bản và châu Âu. Trong đó, tác động lớn nhất là sự biến động giữa VND và USD, khi phần lớn các hợp đồng giao dịch đều được ký kết bằng USD. Để đối phó với biến động tỷ giá, Công ty sẽ thường xuyên thực hiện phân tích và đưa ra các chiến lược phòng hộ linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế.

RỦI RO VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Trong ngành dệt may, lao động có vai trò rất quan trọng, với chi phí nhân công chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí của doanh nghiệp. Việc đào tạo lao động mới cần đầu tư cả thời gian lẫn chi phí để họ có thể thuần thục các kỹ năng cần thiết. Đặc biệt, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành rất gay gắt, và thị trường lao động thường xuyên biến động.

Để duy trì sự ổn định trong lực lượng lao động, Công ty luôn nỗ lực xây dựng các chính sách lương thưởng và phúc lợi hấp dẫn, cũng như đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ kế cận nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình sản xuất kinh doanh. Điều này giúp công ty giữ chân những lao động, cán bộ nhân viên có tài năng và kỹ năng, đồng thời tạo ra một môi trường làm việc tích cực và phát triển cho toàn thể người lao động.

CÁC RỦI RO



RỦI RO VỀ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Rủi ro liên quan đến nguyên vật liệu đầu vào là vấn đề cực kỳ quan trọng đối với một công ty sản xuất như Vinatex Đà Nẵng. Với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, sự biến động của nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của công ty. Giá nguyên vật liệu, dù là nhập khẩu hay sản xuất trong nước, luôn có sự thay đổi, vì vậy công ty cần xây dựng chính sách cung ứng nguyên liệu hợp lý và linh hoạt trong việc điều chỉnh giá thành để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến động giá nguyên vật liệu đối với kết quả kinh doanh. Bên cạnh biến động giá cả, việc quản lý nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào là yếu tố quan trọng tiếp theo cần được chú ý. Việc giao hàng chậm, thiếu, hư hại hay sai mẫu đều ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất của các nhà máy, từ đó có thể gây chậm trễ trong việc hoàn thành các đơn hàng thành phẩm để giao cho khách hàng. Vì vậy, Công ty luôn phải xây dựng kế hoạch cũng như kiểm soát tiến độ thường xuyên để tránh các rủi ro về cung ứng nguyên vật liệu.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng, hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, chịu sự chi phối của hệ thống pháp luật, bao gồm các văn bản pháp lý như Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Bảo vệ môi trường và các nghị định, thông tư, chính sách quy định riêng cho ngành.

Ngoài ra, Công ty còn xuất khẩu sản phẩm sang các thị trường lớn như Mỹ, Nhật Bản, Châu Âu. Vì vậy, các hiệp định thương mại quốc tế như CPTPP và EVFTA cũng có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu của công ty.

Bên cạnh đó, với tư cách là một công ty cổ phần đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán, Vinatex Đà Nẵng phải tuân thủ thêm các quy định của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành liên quan. Ban lãnh đạo công ty luôn chú trọng theo dõi và cập nhật các quy định pháp lý mới, đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt và điều chỉnh chiến lược quản trị phù hợp.

Để kiểm soát rủi ro pháp lý, Công ty luôn chủ động cập nhật các thay đổi về pháp luật, từ đó điều chỉnh Điều lệ và các Quy chế nội bộ sao cho phù hợp, nhằm giảm thiểu rủi ro quản trị xuống mức thấp nhất có thể.

RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Bên cạnh các rủi ro đã được đề cập, Công ty còn phải đối mặt với những rủi ro khó lường, như thiên tai, lũ lụt hay dịch bệnh, những yếu tố không thể dự đoán trước và có thể gây ra những thiệt hại nghiêm trọng. Những rủi ro này không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến Công ty mà còn có thể tác động tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế.

Để giảm thiểu các tác động tiêu cực từ những sự kiện bất ngờ, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng ngừa, bao gồm việc mua bảo hiểm cho người lao động, tài sản và hàng hóa, cũng như xây dựng cơ sở hạ tầng đạt tiêu chuẩn an toàn theo quy định. Những biện pháp này giúp Công ty chủ động ứng phó với các tình huống rủi ro, bảo vệ tài sản và nguồn lực quan trọng, từ đó đảm bảo sự ổn định và liên tục của hoạt động kinh doanh.



CHƯƠNG II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 24 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
- 26 TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- 36 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- 38 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 42 CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU
- 44 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG DỆT MAY NĂM 2024



Năm 2024 là một năm có nhiều biến động đối với thị trường dệt may thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tình hình khó khăn từ năm trước tiếp tục phủ sang năm 2024, đây vốn là vấn đề đã được dự báo từ trước. Vào thời điểm đầu năm, một số nhãn hàng vẫn còn gặp nhiều khó khăn về tài chính do lãi suất neo cao trong thời gian dài, thị trường thì trầm lắng. Từ đó tiếp diễn tình trạng đơn hàng nhỏ với đơn giá không cao, gây khó khăn trong việc tìm kiếm đơn hàng cũng như cải thiện biên lợi nhuận của các đơn vị gia công sản xuất. Tuy nhiên, trong 6 tháng đầu năm 2024, hoạt động xuất khẩu dệt may Việt Nam lại được bù đắp phần nào bởi đồng VND mất giá tới 4,65% so với đồng USD giúp cải thiện biên lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất khẩu. Lợi thế này cũng đã chứng lại kể từ tháng 7 khi đồng VND quay đầu tăng 0,9% so với đồng USD.

Dệt May Việt Nam trong ngắn hạn được hưởng lợi khi đơn hàng dịch chuyển từ Trung Quốc (do việc siết chặt các quy định về Chống lao động cưỡng bức của Mỹ và EU từ thị trường này) hay từ Bangladesh, Myanmar, Indonesia do những bất ổn về chính trị - xã hội gần đây, đặc biệt là Bangladesh. Trung Quốc dường như đã tìm ra cách thoát khỏi sự kiểm soát trên khi số lượng và giá trị đơn hàng bị từ chối xuất khẩu vào thị trường Mỹ và EU chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong những tháng gần đây. Nhờ vậy thị phần hàng may mặc riêng tại thị trường Mỹ đã quay lại vị trí số 1 kể từ tháng 5/2024 (trước đó Việt Nam vươn lên vị trí số 1 thị phần tại Mỹ vào tháng 2,3,4).

Bên cạnh đó, các vấn đề bất ổn chính trị - xã hội ở các quốc gia cạnh tranh xảy ra từ tháng 7/2024, tạo cơ hội cho Dệt May Việt Nam có đơn hàng bổ sung trong nửa cuối năm. Tuy nhiên vấn đề này dường như sẽ sớm được giải quyết, tín hiệu đơn hàng may cho thấy sự cạnh tranh trở lại của Bangladesh kể từ tháng 12/2024 và quý 1/2025.

Hàng tồn kho của các nhãn hàng, đặc biệt là tại thị trường Mỹ, đã dần được cải thiện sau giai đoạn quá cao từ năm 2022. Theo kết quả sản xuất kinh doanh hiện tại, hầu hết các thương hiệu và chuỗi bán lẻ đã cải thiện được tình hình kinh doanh và giảm lượng hàng tồn kho, đồng thời giảm nhẹ gánh nặng tài chính nhờ vào việc các ngân hàng trung ương hạ lãi suất, giúp họ vượt qua giai đoạn khó khăn của thị trường.

Trong trung và dài hạn, nhu cầu tại một số thị trường chính như Mỹ, EU, Nhật Bản, và ASEAN đang phục hồi mạnh mẽ hơn so với dự báo đầu năm 2024, nhờ vào sự cải thiện của tình hình kinh tế, các ngân hàng trung ương điều chỉnh chính sách tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế và tiêu dùng. Lạm phát đang giảm theo lộ trình, việc làm và thu nhập tăng trưởng ổn định ở nhiều quốc gia, cùng với niềm tin của người tiêu dùng vào sự phục hồi kinh tế được củng cố, từ đó thúc đẩy tiêu thụ hàng dệt may. Dự báo nhu cầu tiêu dùng hàng dệt may sẽ tiếp tục được duy trì nhờ vào chính sách tiền tệ nới lỏng, lạm phát giảm và kinh tế phục hồi trong giai đoạn 2025 – 2026.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	%THAY ĐỔI
1	Doanh thu	634.435.149.137	706.632.262.457	+11,38%
2	Giá vốn hàng bán	571.191.359.514	651.170.543.771	+14,00%
3	Lợi nhuận trước thuế	-760.883.158	3.738.996.369	-
4	Lợi nhuận sau thuế	-2.521.694.073	2.424.077.895	-

BCTC Công ty mẹ - Đơn vị tính: Đồng

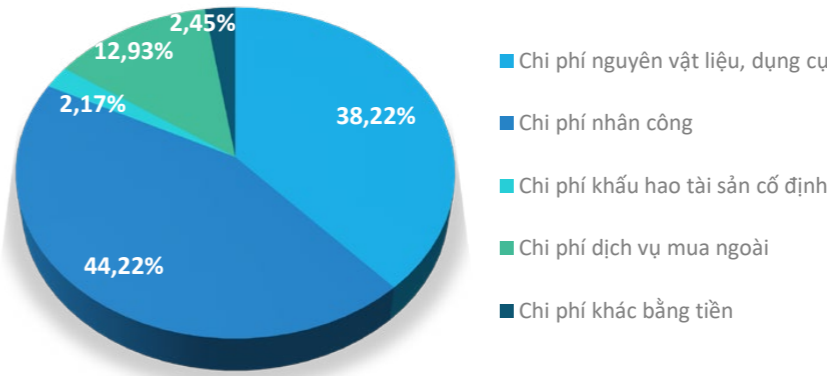
STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	%THAY ĐỔI
1	Doanh thu	604.422.502.486	654.429.484.840	+8,27%
2	Giá vốn hàng bán	540.919.927.239	604.530.946.703	+11,76%
3	Lợi nhuận trước thuế	-2.651.421.348	4.213.404.452	-
4	Lợi nhuận sau thuế	6.378.264.421	8.970.203.497	+40,64%

Năm 2024 đánh dấu sự phục hồi tích cực của Công ty khi doanh thu và lợi nhuận đều tăng trưởng mạnh. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất ghi nhận chuyển từ lỗ sang lãi, đạt hơn 2,42 tỷ đồng so với -2,52 tỷ đồng năm 2023. Riêng tại Công ty mẹ, kết quả kinh doanh tăng trưởng tốt khi LNST tăng hơn 40,43%, đạt hơn 8,97 tỷ đồng năm 2024. Hoạt động tại Công ty con vẫn còn những khó khăn trong việc ổn định sản xuất kinh doanh nên vẫn chưa có lãi trong năm nay. Tuy nhiên, thị trường dệt may vẫn khả quan nhờ nhu cầu tiêu dùng phục hồi, hoạt động sản xuất của các nhà máy của công ty đi vào ổn định. Điều này cho thấy những triển vọng tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của cả công ty nói chung và công ty con nói riêng trong thời gian tới.

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	%THAY ĐỔI
1	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	241.181.004.983	262.821.408.831	+8,97%
2	Chi phí nhân công	295.768.220.929	304.073.994.954	+2,81%
3	Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.805.810.463	14.938.320.967	-5,49%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.616.896.239	88.914.637.028	+62,80%
5	Chi phí khác bằng tiền	21.416.633.262	16.832.501.988	-21,40%
Tổng cộng		628.788.565.876	687.580.863.768	+9,35%

Tỷ trọng chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố năm 2024



TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SLCP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT - Chuyên trách	-	-
2	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT - Không điều hành	-	-
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT - Không điều hành	245.925	7,45%
4	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	50.000	1,59%
5	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	25.400	0,81%

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Phạm Phú Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 27/09/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 05/1997 – 08/1999: Cán bộ Phòng Kế hoạch thị trường – TCT May Nhà Bè - CTCP
- Từ 09/1999 – 09/2001: Phó Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường – TCT May Nhà Bè - CTCP
- Từ 10/2001 – 08/2003: Quyền Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường – TCT May Nhà Bè - CTCP
- 09/2003 – 04/2004: Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường – TCT May Nhà Bè - CTCP
- 04/2004 – 03/2007: Giám đốc điều hành – TCT May Nhà Bè - CTCP
- 08/2007 – 04/2010: Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD – TCT May Nhà Bè - CTCP
- 05/2010 – 12/2016: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD – TCT May Nhà Bè - CTCP
- Từ 01/2017 – nay: Chủ tịch HĐQT – TCT May Nhà Bè - CTCP
- Từ 01/2014 – nay: Chủ tịch HĐQT – CTCP Vinatex Đà Nẵng.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT TCT May Nhà Bè - CTCP



Ông Lê Thúc Dung - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 26/09/1969

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 1995 – 2004: Nhân viên tại Công ty Indochina Group
- Từ 2004 – 2014: Trưởng Đại diện tại Văn phòng đại diện Motives (Far East) tại TP. HCM
- Từ 2004 – 09/2016: Chủ tịch HĐQT – CTCP Động lực Việt Nam
- Từ 2016 – nay: Chủ tịch HĐQT – CTCP 4M
- Từ 11/2023 – nay: Thành viên HĐQT – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – CTCP 4M

Ông Nguyễn Xuân Đông - Thành viên Hội đồng quản trị

Ngày sinh: 13/11/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 10/2007 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Len Hà Đông
- Từ 04/2018 – nay: Thành viên HĐQT CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 05/2018 – nay: Thành viên HĐQT – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 06/2021 – nay: Thành viên HĐQT – Tập đoàn Dệt may Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Len Hà Đông
- Thành viên HĐQT – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Thành viên HĐQT – Tập đoàn Dệt may Việt Nam

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Hồ Hai - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 01/01/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 04/1994 – 09/1997: Nhân viên kinh doanh – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 10/1997 – 12/2001: Phó Trưởng Phòng Kinh doanh – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 01/2002 – 03/2002: Giám đốc Xí nghiệp May 2 – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 04/2002 – 01/2008: Trưởng phòng kinh doanh – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 02/2008 – 09/2008: Giám đốc điều hành – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 09/2008 – 09/2009: Phó Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 10/2009 – 04/2011: Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 04/2011 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 03/2015 – nay: Thành viên HĐQT CTCP May Vinatex Đức Phổ

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT CTCP May Vinatex Đức Phổ

Ông Đặng Trọng Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 16/11/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng kỹ thuật may

Quá trình công tác:

- Từ 1993 – 1994: Nhân viên Kỹ thuật may – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 1996 – 2000: Trưởng ca sản xuất – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 2001 –2005: Phó Giám đốc Kỹ thuật Xí nghiệp 1 – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 2006 – 2009: Giám đốc Xí nghiệp 1 – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 2009 – 2010: Giám đốc khu 3 – Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP
- Từ 2011 – 2013: Trưởng Văn phòng Đại diện – Công ty TNHH Sumikin - Nhật Bản
- Từ 2014 – 2015: Giám đốc điều hành – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 10/2016 – nay: Phó Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 07/2018 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP May Vinatex Nghĩa Hành

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP May Vinatex Nghĩa Hành



TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SLCP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng Ban Kiểm soát	-	-
2	Ông Lương Chương	Thành viên Ban Kiểm soát	35.690	1,14%
3	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên Ban Kiểm soát	-	-

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông Huỳnh Tấn Long - Trưởng Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 13/08/1872

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2001 – 2002: Nhân viên XNK
- Từ 2003 – 2006: Sinh viên Trường Đại học Kinh tế
- Từ 2006 – 2018: Nhân viên tại Văn phòng đại diện Công ty MOTIVES (Far East) Ltd
- Từ 2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát tại CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2019 – nay: Tổng Giám đốc tại Công ty CP Động Lực Việt Nam

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Tổng Giám đốc CTCP Động Lực Việt Nam

Ông Lương Chương - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 01/10/1958

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 10/1994 – 12/1996: Nhân viên kế toán – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 01/1997 – 05/2001: Trưởng Phòng Kế toán – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 06/2001 – 04/2010: Phó Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 05/2010 – 05/2015: Trưởng Ban Kiểm soát – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 05/2015 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không



Ông Nguyễn Thăng Long - Thành viên Ban Kiểm soát

Ngày sinh: 23/12/1982

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 2004 – 2007: Nhân viên kế toán – Viện Nghiên cứu Sành Sứ Thủy tinh Công nghiệp
- Từ 2008 – 2015: Chuyên viên, Thành viên BKS – Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May Việt Nam
- Từ 2015 – 2017: Kiểm soát viên nội bộ – Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam
- Từ 2017 – nay: Chuyên viên – Tập đoàn Dệt may Việt Nam
- Từ 06/2020 – nay: Thành viên Ban Kiểm soát – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chuyên viên tại Tập đoàn Dệt may Việt Nam

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SLCP SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU
1	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	50.000	1,59%
2	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	25.400	0,81%
3	Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	34.755	1,11%
4	Ông Phạm Vũ Bằng	Giám đốc điều hành	19.000	0,60%
5	Ông Nguyễn Thành An	Giám đốc điều hành	16.100	0,51%
6	Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	24.090	0,77%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2024

Không có

LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

Ông Hồ Hai - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

* Đã trình bày ở phần SYLL thành viên HĐQT

Ông Đặng Trọng Tâm – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

* Đã trình bày ở phần SYLL thành viên HĐQT

Ông Văn Hữu Thành – Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 01/01/1963

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1985 – 1986: Cán bộ tại Trọng tài kinh tế tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng
- Từ 1987 – 1988: Cán bộ Kế toán tại Xí nghiệp thâm thù Bình Trị Thiên
- Từ 1989 – 2002: Kế toán trưởng tại Công ty May Xuất khẩu Thừa Thiên Huế
- Từ 2002 – 2004: Giám đốc Xí nghiệp May 2A, Xí nghiệp May 2B – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2005 – 2009: Giám đốc điều hành, Giám đốc Nhà máy May Dung Quất, Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2009 – nay: Phó Tổng Giám đốc – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông Phạm Vũ Bằng – Giám đốc điều hành

Ngày sinh: 20/05/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1993 – 2006: Nhân viên Kế toán tại CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2006 – 2007: Phó Giám đốc Nhà máy may Nam Phước – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2007 – 2010: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2011 – 2012: Phó Giám đốc Nhà máy may Thanh Sơn – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2012 – 2013: Phó Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2014 – 2020: Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2020 – nay: Giám đốc điều hành – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Ông Nguyễn Thành An – Giám đốc điều hành

Ngày sinh: 06/08/1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 2003 – 2004: Nhân viên tại CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2005 – 2011: Phụ trách Kế hoạch tại Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2011 – 2014: Phó Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2014 – 2016: Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2016 – 2019: Giám đốc điều hành, Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2019 – 2022: Giám đốc điều hành, Giám đốc Nhà máy May Dung Quất– CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2022 – nay: Giám đốc điều hành, Giám đốc Nhà máy May Phù Mỹ – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Bà Lê Đình Bích Hợp – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 11/07/1972

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

Quá trình công tác:

- Từ 1995 – 1998: Phụ trách kế toán – Công ty TNHH Việt Á
- Từ 1998 – 2003: Nhân viên Kế toán – Công ty Ứng dụng KHKT & CGCN Mới – Trung tâm KHTN & CNQG
- Từ 2003 – 2006: Nhân viên Kế toán – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2006 – 2014: Phó Phòng Kế toán – CTCP Vinatex Đà Nẵng
- Từ 2014 – nay: Kế toán trưởng – CTCP Vinatex Đà Nẵng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tính tại ngày 31/12/2024

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2024	TỶ LỆ
A	Theo trình độ	1.791	100,00%
1	Trên Đại học, Đại học, Cao đẳng	164	9,16%
2	Trung cấp chuyên nghiệp	53	2,96%
3	Lao động phổ thông	1.574	87,88%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	1.791	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	664	37,07%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.127	62,93%
C	Theo giới tính	1.791	100,00%
1	Nam	333	18,59%
2	Nữ	1.458	81,41%



THU NHẬP BÌNH QUÂN NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHỈ TIÊU	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	NĂM 2023	NĂM 2024
Tổng số lượng người lao động (người)	2.341	2.114	2.122	2.102	1.791
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	5.829.000	6.648.000	8.676.000	8.606.000	9.359.000

CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Về Đào tạo

Tại Vinatex Đà Nẵng, Công ty đặc biệt chú trọng đến việc hỗ trợ và phát triển kỹ năng cho nhân sự mới. Các bộ phận chuyên môn trong công ty có vai trò giúp đỡ, hướng dẫn, đảm bảo rằng nhân viên mới có thể nhanh chóng hòa nhập và bắt đầu công việc. Đối với những người chưa có kinh nghiệm, Công ty tổ chức các khóa học nghề chuyên sâu để họ có thể đạt được các kỹ năng cần thiết, trong khi những người đã có kinh nghiệm được giao công việc phù hợp với khả năng và sở trường của họ.

Với nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của việc phát triển đội ngũ lãnh đạo và quản lý trong tương lai, Công ty còn chú trọng đến công tác tuyển chọn và đào tạo cán bộ tiềm năng, với mục tiêu phát triển họ theo hai hướng chính: quản lý và kỹ thuật công nghệ. Mục tiêu này không chỉ nhằm bổ sung nguồn nhân lực kế cận mà còn đảm bảo có một đội ngũ sẵn sàng thay thế các vị trí quan trọng khi cần thiết. Vinatex Đà Nẵng cũng nỗ lực tài trợ chi phí đào tạo cho nhân viên, đảm bảo họ không phải chịu bất kỳ khoản chi phí nào, qua đó thể hiện cam kết vững chắc của Công ty đối với việc phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

Về Môi trường làm việc

Vinatex Đà Nẵng luôn chú trọng đến việc xây dựng một môi trường làm việc chuyên nghiệp, có văn hóa và tích cực. Để đảm bảo sự phối hợp hiệu quả giữa các bộ phận, Công ty đã thiết lập các quy tắc và quy định về quy trình làm việc rõ ràng, thuận tiện. Mỗi thành viên trong Công ty đều được tạo điều kiện tối ưu để phát huy hết khả năng của mình và nhận được sự ghi nhận xứng đáng cho những đóng góp của họ. Đồng thời, công ty nghiêm túc triển khai và giám sát chặt chẽ việc tuân thủ nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, và thường xuyên kiểm tra, đánh giá công tác an toàn tại nơi làm việc. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo, đối thoại nhằm tăng cường tình cảm, tinh thần đoàn kết và sự gắn kết giữa các thành viên.

Về lương, thưởng, phúc lợi

Ban lãnh đạo Công ty luôn nỗ lực nghiên cứu và cải tiến chính sách lao động để đảm bảo quyền lợi đầy đủ cho người lao động, tuân thủ các quy định pháp luật. Đồng thời, Công ty cũng triển khai các chính sách đãi ngộ hấp dẫn nhằm thu hút và giữ chân nhân tài phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty áp dụng chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi với mục tiêu khuyến khích người lao động, đặc biệt là những người có chuyên môn và nghiệp vụ, gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng có chính sách khen thưởng xứng đáng cho các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc hoặc đóng góp sáng kiến, giải pháp kỹ thuật mang lại hiệu quả kinh doanh cao. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện các biện pháp và quy định xử phạt đối với những công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động và hình ảnh của công ty.

Trong năm 2024, Công ty đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, với thu nhập bình quân đạt hơn 9,3 triệu đồng/người/tháng, tăng 8,75% so với năm 2023.

Về Tuyển dụng

Với mục tiêu hỗ trợ tạo ra việc làm và thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, Công ty ưu tiên tuyển dụng nhân sự từ các khu vực lân cận nơi công ty đặt trụ sở, nhà máy. Đối với các vị trí chủ chốt tại các phòng ban yêu cầu bằng cấp, trình độ và kinh nghiệm, Công ty luôn áp dụng các chính sách hấp dẫn để thu hút ứng viên tốt nghiệp từ các trường đại học, cao đẳng uy tín, cũng như những người có kinh nghiệm và tâm huyết, mong muốn gắn bó lâu dài với Công ty.

Đối với công nhân sản xuất trực tiếp, Công ty thường xuyên tuyển dụng để bổ sung vào dây chuyền sản xuất, đồng thời cung cấp các chính sách hỗ trợ tốt. Lực lượng lao động khi được tuyển dụng sẽ phải trải qua thời gian thử việc và học việc. Quá trình tuyển dụng được thực hiện một cách công bằng và minh bạch, tạo cơ hội cho tất cả ứng viên chứng tỏ năng lực của mình. Điều này giúp xây dựng một môi trường làm việc tích cực và tạo cơ hội phát triển bình đẳng cho mọi nhân viên trong Công ty. Khi đủ điều kiện, Công ty sẽ ký kết các hợp đồng có thời hạn từ ngắn hạn đến dài hạn.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN TRONG NĂM

Không có

HOẠT ĐỘNG TẠI CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Tại ngày: 31/12/2024

TÊN CÔNG TY	TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG	TỶ LỆ VỐN	GIÁ GỐC	DỰ PHÒNG
CTCP May Vinatex Nghĩa Hành	Đang hoạt động	51%	15.300.000.00	15.300.000.000
CTCP May Vinatex Đức Phổ	Đang hoạt động	24%	6.000.000.000	1.376.182.009
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Đang hoạt động	31%	9.300.000.000	9.300.000.000

Công ty con:
Công ty Cổ phần May Vinatex Nghĩa Hành

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Đồng Dinh, Thị trấn Chợ Chùa, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi
Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất, gia công hàng may mặc
Vốn góp: 15,3 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 51% VDL)

Công ty liên kết:
Công ty Cổ phần May Vinatex Đức Phổ

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Phổ Hòa, Thôn An Thường, Xã Phổ Hòa, Huyện Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi
Lĩnh vực SXKD chính: Sản xuất, gia công hàng may mặc
Vốn góp: 6 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 24% VDL)

Công ty liên kết:
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, Xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
Lĩnh vực SXKD chính: Tẩy vải, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo
Vốn góp: 9,3 tỷ đồng (Chiếm tỉ lệ 31% VDL)



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRONG NĂM

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2024	%THAY ĐỔI
1	Tổng tài sản (Tại ngày 31/12)	420.273.334.218	470.162.266.482	+11,87%
2	Doanh thu thuần	634.435.149.137	706.632.262.457	+11,38%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.993.620.033	-474.402.682	-
4	Lợi nhuận khác	-2.754.503.191	4.213.399.051	-
5	Lợi nhuận trước thuế	-760.883.158	3.738.996.369	-
6	Lợi nhuận sau thuế	-2.521.694.073	2.424.077.895	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	*20%	-

(*): Công ty dự kiến chi trả cổ tức năm 2024 với tỷ lệ 20% bằng tiền mặt theo theo kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2024 và sẽ trình phương án chi trả cổ tức tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2025.



CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2023	NĂM 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,93	0,89
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,55	0,57
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,83	0,85
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	4,77	5,67
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,48	5,55
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,39	1,59
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	-	0,34
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE)	%	-	3,38
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROAA)	%	-	0,54
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	0,31	-0,07

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

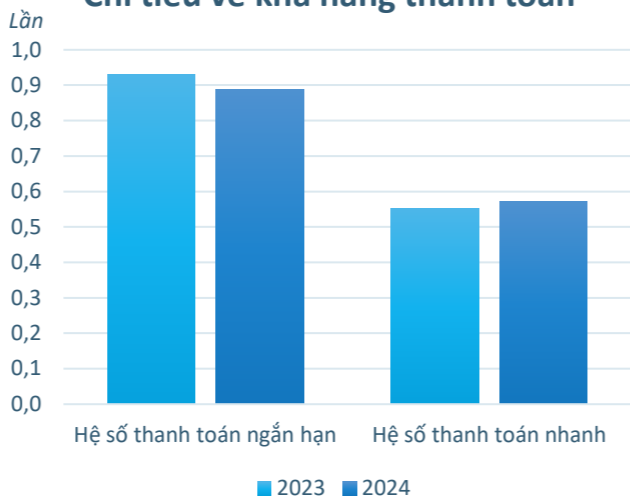
CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU



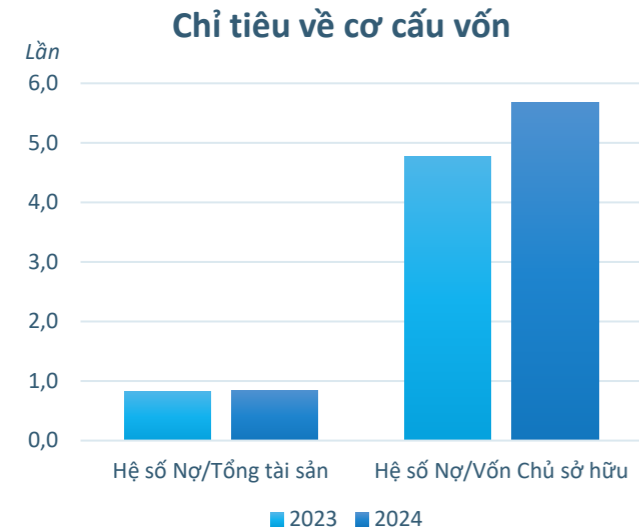
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty không có nhiều thay đổi đáng kể trong năm. Hệ số thanh toán ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2024 ở mức 0,89 so với mức 0,93 vào cuối năm trước, tương ứng giảm 4,53%. Điều này do mức tăng dư nợ ngắn hạn (+20,91%) - chủ yếu là vay tài chính ngắn hạn - lớn hơn mức tăng tài sản ngắn hạn(+15,43%) trong kỳ. Trong khi đó, Hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,55 lên 0,57, tương ứng tăng 3,36%, mặc dù có cải thiện nhưng vẫn ở mức khá thấp. Những chỉ số này đều ở mức ổn định, cho thấy Công ty vẫn đáp ứng được khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn. Dù vậy, Công ty vẫn cần phải kiểm soát dòng tiền tốt hơn để tránh rủi ro tài chính.

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Trong năm 2024, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty đều có xu hướng gia tăng. Cụ thể, hệ số Nợ/Tổng Tài sản nhích nhẹ từ 0,83 lên 0,85, trong khi hệ số Nợ/Vốn Chủ sở hữu tăng mạnh từ 4,77 lên 5,67 vào cuối năm. Sự biến động này chủ yếu xuất phát từ việc Nợ phải trả tăng hơn 15,03%, phần lớn do Công ty đẩy mạnh vay ngắn hạn tại các ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Dư nợ tại các ngân hàng cũng ghi nhận mức tăng đáng kể, từ 181,46 tỷ đồng đầu năm lên 230,23 tỷ đồng cuối kỳ, tương đương mức tăng 26,92%.

Mặc dù đòn bẩy tài chính gia tăng, Công ty vẫn duy trì lượng tiền mặt ở mức cao, đạt gần 42,11 tỷ đồng – tăng gấp đôi so với 19,03 tỷ đồng hồi đầu năm. Điều này cho thấy Công ty có sự chủ động trong quản lý dòng tiền, tạo điều kiện linh hoạt hơn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán.

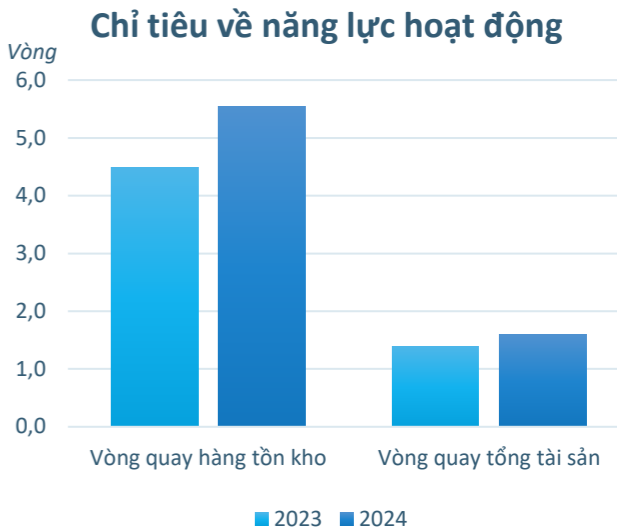
Hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn phụ thuộc đáng kể vào vốn vay. Nếu hoạt động hiệu quả, đây có thể là đòn bẩy giúp tăng lợi nhuận. Tuy nhiên, điều này cũng đi kèm rủi ro tài chính cao nếu doanh thu không đủ để bù đắp chi phí lãi vay. Do đó, Công ty luôn đặt trọng tâm vào việc kiểm soát tài chính, đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng và an toàn tài chính.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

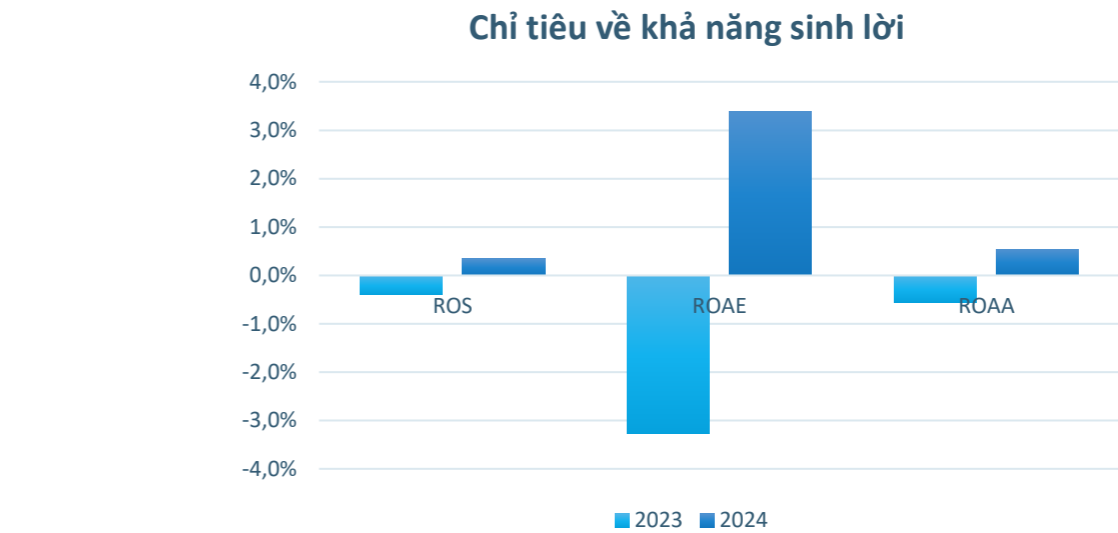
Năm 2024, năng lực hoạt động của Công ty được cải thiện đáng kể nhờ sự phục hồi và phát triển trở lại sau giai đoạn khó khăn trước đó. Vòng quay Hàng tồn kho tăng từ 4,48 lên 5,55. Cụ thể, Giá vốn hàng bán năm nay tăng 14,00% so với năm 2023, đạt 651,17 tỷ đồng, trong khi giá trị hàng tồn kho không biến động nhiều. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc Công ty quản lý hàng tồn kho tốt hơn, tối ưu trong việc nhập hàng, hoạt động giám sát sản xuất linh hoạt hơn, tránh tồn kho dư thừa.

Hệ số Vòng quay Tổng tài sản cũng tăng từ 1,39 lên 1,59. Doanh thu thuần ghi nhận đạt 706,63 tỷ đồng, tăng 11,38% so với năm trước. Tổng tài sản cũng ghi nhận mức tăng 11,87%, tăng từ 420,27 tỷ đầu kỳ lên 470,16 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm. Phần tài sản tăng chủ yếu là tiền mặt và Phải thu ngắn hạn khách hàng. Có thể thấy, Công ty đã sử dụng tài sản tốt hơn, thông qua cải thiện quy trình sản xuất cũng như tối ưu máy móc thiết bị.

Từ đó có thể thấy, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp đang tốt lên, đặc biệt là trong việc quản lý hàng tồn kho và sử dụng tài sản.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Năm 2024, khả năng sinh lời của Công ty có sự cải thiện rõ rệt so với năm 2023 khi các chỉ số đều chuyển từ âm sang dương. Đáng chú ý, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) đạt 3,38%, trong khi năm trước là -3,27%. Sự phục hồi của thị trường và sự trở lại của các đơn hàng đã góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm nay.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHIẾU

Vốn điều lệ	:	32.989.100.000 đồng
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	:	3.298.910 cổ phiếu
Mệnh giá	:	10.000 đồng
Cổ phiếu phổ thông	:	3.298.910 cổ phiếu
Cổ phiếu ưu đãi	:	0 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	:	3.286.730 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	:	12.180 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	:	156.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	:	3.142.910 cổ phiếu

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Theo Danh sách cổ đông gần nhất chốt tại ngày 08/08/2024*:

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	202	3.130.110	99,61%
1	Cá nhân	200	1.512.245	48,14%
2	Tổ chức	2	1.617.865	51,48%
II	Cổ đông nước ngoài	2	400	0,01%
1	Cá nhân	2	400	0,01%
2	Tổ chức	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	12.180	0,39%
Tổng cộng		204	3.142.910	100,00%

(*): Danh sách trên được lập trước thời điểm phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty (ESOP) năm 2024 nên chưa bao gồm 156.000 cổ phần đã được phân phối thêm.

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Danh sách cổ đông lớn (tính tại ngày 08/08/2024):

STT	Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
1	Tập đoàn Dệt May Việt Nam*	900.000	27,28%
2	Công ty Cổ phần 4M	717.865	21,76%
3	Ông Lê Thúc Đức	489.910	14,85%
4	Ông Nguyễn Xuân Đông	245.925	7,45%
5	Bà Trần Linh Trang	245.925	7,45%
TỔNG CỘNG		2.599.625	78,80%

(*) Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 02 đại diện vốn tại Công ty là:

- Ông Phạm Phú Cường - Chủ tịch HĐQT: Đại diện 585.709 cổ phiếu (17,75%)
- Ông Hồ Hai - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc: Đại diện 314.291 cổ phiếu (9,53%)

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Thời gian	Vốn điều lệ trước khi thay đổi	Thay đổi vốn	Vốn điều lệ sau khi thay đổi	Phương thức
2005	Công ty thực hiện cổ phần hóa theo Quyết định số 142/2004/QĐ-BCN ngày 23/11/2004 của Bộ trưởng Bộ Công Nghiệp với Vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng.			
2006	10.000.000.000	+10.000.000.000	20.000.000.000	<ul style="list-style-type: none">Bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên 850.000 cổ phiếu với giá 11.000 đồng/cp.Bán cho đối tác chiến lược 150.000 cổ phiếu với giá 15.000 đồng/cp.
2016	20.000.000.000	+9.939.100.000	29.939.100.000	Chào bán cổ phiếu ra công chúng
2023	29.939.100.000	+1.490.000.000	31.429.100.000	Phát hành cổ phiếu cho người lao động
2024	31.429.100.000	+1.560.000.000	32.989.100.000	Phát hành cổ phiếu cho người lao động

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

TÁC ĐỘNG LÊN MÔI TRƯỜNG



Trong năm 2024, để tối ưu hóa hiệu suất năng lượng trong sản xuất và giảm thiểu lượng khí thải, Công ty luôn theo dõi và cập nhật kịp thời các quy định mới nhất về môi trường. Dựa trên đó, Công ty đã đưa ra các biện pháp tuân thủ quy định, đảm bảo các hoạt động thi công các công trình xây dựng đáp ứng yêu cầu về giảm phát thải và bảo vệ môi trường.

Ở các nhà máy, hệ thống xử lý khí thải lò hơi đã được lắp đặt tại các khu vực sản xuất. Theo kết quả quan trắc khí thải và đánh giá hệ thống xử lý khí thải năm 2024, các chỉ tiêu và thông số quan trắc đều đạt yêu cầu quy chuẩn. Điều này chứng tỏ hệ thống xử lý khí thải của Công ty hoạt động hiệu quả, đảm bảo khí thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi được xả ra môi trường.

Đối với các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính, Công ty đang lên kế hoạch để từng bước chuyển đổi từ lò hơi than sang lò hơi điện; Trồng hệ thống cây xanh bao quanh các khu vực sản xuất tại các nhà máy nhằm giảm thiểu tác hại của khói bụi lên môi trường cũng như trang bị các hệ thống, thiết bị xử lý khói, bụi cho tất cả các lò hơi sử dụng trong hoạt động sản xuất.

Công ty nhận thức rõ tầm quan trọng của phát triển bền vững, khi kết hợp hài hòa mục tiêu tăng trưởng kinh tế với trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường xanh. Công ty cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và các chính sách của nhà nước liên quan đến bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, hàng năm Công ty tiến hành đánh giá kỹ lưỡng các tác động môi trường từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là gia công hàng may mặc. Do đó, nguồn nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được căn cứ trên định mức đề ra và được lấy từ nguồn nguyên vật liệu mà khách hàng cung cấp.

Công ty luôn ưu tiên phát triển và giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất theo các tiêu chuẩn nghiêm ngặt. Quy trình này bao gồm các bước từ việc giao tiếp và thương lượng với khách hàng, tính toán định mức nguyên vật liệu cần thiết cho từng sản phẩm, đến việc phát triển và tài liệu hóa quy trình thiết kế kỹ thuật và công nghệ cho mỗi sản phẩm dựa trên yêu cầu của khách hàng. Mục tiêu chính là giảm thiểu tối đa tỷ lệ sản phẩm lỗi và hạn chế lãng phí nguyên liệu.

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Công ty chủ yếu sử dụng điện, than, dầu diesel để chạy các thiết bị trong quá trình tổ chức sản xuất; các nồi hơi đảm bảo xử lý khí thải theo đúng quy định. Cụ thể, sản lượng tiêu thụ cho từng loại năng lượng là:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024
Điện	kWh	3.661.445
Củ trấu	Kg	901.939
Củ gỗ	Kg	2.286.000
Dầu	Kg	89.911
Gas	Kg	4.812

Công ty luôn nhận thức rõ tầm quan trọng của việc tiết kiệm năng lượng và đã thực hiện các hành động cụ thể để triển khai nghiêm túc mục tiêu này trên toàn bộ công ty. Công ty chủ yếu sử dụng năng lượng điện để vận hành máy móc và chiếu sáng các khu vực trong công ty. Để tiết kiệm năng lượng, Vinatex Đà Nẵng tuyên truyền đến toàn thể nhân viên ý thức giảm thiểu việc tiêu thụ điện không cần thiết, khuyến khích tắt các thiết bị điện khi không sử dụng, và tiến hành rà soát, kiểm tra định kỳ các thiết bị điện, máy móc để bảo dưỡng, sửa chữa, đảm bảo chúng hoạt động hiệu quả và tiêu tốn ít năng lượng. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang từng bước chuyển sang sử dụng điện mặt trời nhằm sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng và giảm phát thải khí.

TIÊU THỤ NƯỚC

Năm 2024, tổng lượng nước tiêu thụ là: 26.568 m3. Nguồn nước mà Công ty và các nhà máy sử dụng được cấp từ các đơn vị cấp nước ở địa phương TP. Đà Nẵng, Quảng Ngãi, Bình Định.

Đối với vấn đề nước thải, kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải và quy trình xử lý nước thải tại các nhà máy cho thấy Công ty đã thực hiện việc quan trắc, giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải, nước nguồn tiếp nhận, chế độ thông tin báo cáo theo quy định trong giấy phép xả nước thải được cấp.

Trong năm, Công ty không có sự cố phát sinh trong quá trình xử lý nước thải gây ảnh hưởng tới môi trường. Lượng nước thải sản xuất phát sinh các tháng trong năm 2024 tại tất cả các nhà máy đều không vượt lưu lượng theo đăng ký xả thải. Tại các đợt quan trắc, tất cả các thông số đều nằm trong ngưỡng giá trị của quy chuẩn cho phép Hệ thống xử lý nước thải hoạt động ổn định, có cán bộ chuyên trách, thường xuyên được bảo dưỡng.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Với nhiều năm hoạt động trong ngành dệt may tại thị trường Việt Nam, Công ty luôn coi trọng trách nhiệm của mình trong việc đóng góp vào bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng. Các nhà máy của Công ty đều tuân thủ đầy đủ các tiêu chuẩn pháp luật về bảo vệ môi trường và được đầu tư đồng bộ về cơ sở vật chất, bao gồm hệ thống làm mát, hệ thống xử lý nước thải, hệ thống hút bụi, và các trang thiết bị liên quan khác. Trong năm, Công ty không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp về các quy định môi trường.

Về công tác phòng chống cháy nổ, Đội Phòng chống cháy nổ được huấn luyện định kỳ hàng năm, và hàng tuần Công ty tiến hành kiểm tra và thay thế các thiết bị phòng cháy chữa cháy. Trong năm 2024, không có sự cố cháy nổ nào xảy ra, đảm bảo an toàn cho tài sản và con người.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG



Số lượng lao động bình quân năm 2024 là 1.791 người. Mức thu nhập bình quân là 9.359.000 đồng/người/tháng.

Công ty luôn chú trọng đến việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và các chế độ khác đều được công ty thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật và thỏa ước lao động tập thể.

Ngoài ra, nhân viên được tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bao gồm kiểm tra bệnh nghề nghiệp, và được đào tạo về sơ cấp cứu. Công ty cũng cung cấp thuốc phòng bệnh và tổ chức các buổi đào tạo theo quy định của pháp luật. Những hoạt động này giúp tạo ra một môi trường làm việc an toàn, lành mạnh, hỗ trợ nhân viên phát triển và làm việc hiệu quả.

Công ty luôn chú trọng đến trình độ của đội ngũ lao động và thể hiện điều này qua việc ban hành các quy chế hỗ trợ người lao động trong công tác đào tạo để nâng cao tay nghề phục vụ cho sản xuất và kinh doanh. Đối với lao động mới, Công ty tạo điều kiện để người lao động tập việc, thử việc để có thể người lao động có thể nhanh chóng làm việc. Hàng năm, Công ty tiến hành kiểm tra và đánh giá tay nghề của từng công nhân nhằm đảm bảo chất lượng và hiệu quả công việc. Điều này giúp tạo dựng một môi trường làm việc tích cực, khuyến khích nhân viên phát triển và nâng cao trình độ chuyên môn của mình.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Công ty luôn quan tâm đến các hoạt động phục vụ cộng đồng và xã hội bên cạnh công tác sản xuất kinh doanh. Trong năm qua, Công ty đã tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ người dân địa phương, bao gồm việc ủng hộ trẻ em nghèo ở vùng núi, trao tặng những món quà thiết thực cho bà con gặp khó khăn, hỗ trợ hiện vật cho các học sinh giỏi, hiếu học ở vùng sâu, vùng xa.





CHƯƠNG III: BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 50 ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024
- 52 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- 54 NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
- 56 KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2025
- 57 GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- 58 BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

KẾT QUẢ KINH DOANH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2024



BCTC Công ty mẹ

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH/KH
1	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	604	710	654,43	92,17%
2	Tổng doanh thu CM	Triệu USD	12,016	16,803	11,869	70,64%
3	Lao động bình quân	Người	2.103	2.399	1.791	74,66%
4	Thu nhập lao động bình quân	Đồng/người/ tháng	8.606.000	10.233.000	9.359.000	91,46%
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	7,102	10	10,63	106,30%

Tình hình ngành dệt may năm 2024 nhiều khó khăn đặc biệt trong 6 tháng đầu năm, giá đơn hàng giảm sâu, lao động biến động, Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV vượt qua khó khăn thách thức đạt được những thành quả tích cực trong hoạt động SXKD năm 2024:

- Doanh thu CM xấp xỉ với năm 2023, doanh thu bán hàng tăng 8,28% so với năm 2023.
- Lao động biến động (giảm 14,84%) nhưng năng suất lao động tăng, thu nhập người lao động tăng 8,75% so với năm 2023
- Lợi nhuận trước thuế tăng 49,63% so với 2023 cũng như vượt kế hoạch đề ra dù các chỉ tiêu khác không đạt như kế hoạch. Điều này cho thấy những nỗ lực về gia tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

Cải thiện mạnh mẽ hiệu quả kinh doanh

Thoát khỏi tình trạng thua lỗ: Lợi nhuận trước thuế từ mức âm -760,88 triệu đồng năm 2023 đã chuyển sang dương 3,74 tỷ đồng năm 2024; Lợi nhuận sau thuế từ -2,52 tỷ đồng lên 2,42 tỷ đồng, đánh dấu sự phục hồi rõ rệt.

Tăng trưởng doanh thu ổn định: Doanh thu thuần đạt 706,63 tỷ đồng, tăng 11,38% so với năm 2023, phản ánh sự gia tăng đơn hàng và hiệu quả sản xuất.

Kiểm soát tốt chi phí vận hành: Mặc dù tổng chi phí tăng 9,35%, mức tăng này thấp hơn mức tăng doanh thu, giúp Công ty cải thiện lợi nhuận.

Nâng cao hiệu suất hoạt động

Tăng hiệu quả quản lý hàng tồn kho: Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 4,48 lên 5,55, cho thấy Công ty đã quản lý hàng tồn kho tốt hơn, giảm thời gian hàng lưu kho và cải thiện dòng tiền.

Cải thiện hiệu suất sử dụng tài sản: Hệ số vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,39 lên 1,59, cho thấy Công ty khai thác tài sản hiệu quả hơn để tạo ra doanh thu.

Thích ứng tốt với biến động thị trường

Vượt qua giai đoạn khó khăn của ngành: Mặc dù đầu năm 2024 vẫn chịu ảnh hưởng từ tình hình thị trường trầm lắng, Công ty đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội từ nửa cuối năm để phục hồi; Đơn hàng có xu hướng cải thiện, đặc biệt từ tháng 7/2024.

Mở rộng khả năng cạnh tranh: Việc kiểm soát tốt chi phí và tối ưu hóa quy trình sản xuất giúp Công ty duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.



Năm 2024, Công ty đã có những tiến bộ đáng kể trong việc cải thiện hiệu quả kinh doanh, tối ưu hóa hoạt động sản xuất và thích ứng với biến động thị trường. Với nền tảng này, Công ty đang trên đà phát triển ổn định hơn, sẵn sàng đối mặt với những thách thức trong năm 2025.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023		31/12/2024		%THAY ĐỔI
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	287.141.387.722	68,32%	331.443.611.522	70,50%	+15,43%
Tài sản dài hạn	133.131.946.496	31,68%	138.718.654.960	29,50%	+04,20%
Tổng tài sản	420.273.334.218	100%	470.162.266.482	100,00%	+11,87%

BCTC Công ty mẹ - Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023		31/12/2024		%THAY ĐỔI
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	313.443.900.388	82,82%	358.754.642.167	82,52%	+14,46%
Tài sản dài hạn	65.016.350.756	17,18%	76.015.832.532	17,48%	+16,92%
Tổng tài sản	378.460.251.144	100,00%	434.770.474.699	100,00%	+14,88%

Ghi nhận ở Báo cáo tài chính Hợp nhất, Tổng tài sản trong năm 2024 của Công ty có sự tăng trưởng tích cực khi ghi nhận mức tăng trưởng hơn 11,87% so với thời điểm đầu năm, đạt hơn 470,16 tỷ đồng vào cuối kỳ. Đóng góp phần lớn vào tăng trưởng tổng tài sản đến từ Tài sản ngắn hạn, ghi nhận tăng từ hơn 287,14 tỷ đồng đầu kỳ lên 331,44 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm, tương ứng tăng 15,43%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ việc phục hồi sản xuất kinh doanh so với năm trước. Vào cuối năm 2024, lượng tiền mặt Công ty ghi nhận gần 42,11 tỷ đồng, tương ứng tăng gần 23,08 tỷ đồng so với đầu kỳ. Bên cạnh đó, các khoản phải thu ngắn cũng ghi nhận mức tăng hơn 16,61%, từ 135,31 tỷ đồng đầu năm lên 157,79 tỷ đồng vào thời điểm cuối năm 2024.

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	GIÁ TRỊ CÒN LẠI/ NGUYÊN GIÁ
Nhà cửa, vật kiến trúc	121.168.448.021	64.096.300.336	52,90%
Máy móc, thiết bị	128.865.553.661	31.317.886.506	24,30%
Phương tiện vận tải truyền dẫn	27.790.586.15	14.613.868.366	52,59%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.004.327.016	205.027.965	6,82%
Cộng	280.828.914.813	110.233.083.173	39,25%

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH	NGUYÊN GIÁ	GIÁ TRỊ CÒN LẠI	GIÁ TRỊ CÒN LẠI/ NGUYÊN GIÁ
Quyền sử dụng đất	7.979.882.783	7.979.882.783	100,00%
Phần mềm máy tính	2.158.558.197	450.611.430	20,88%
Cộng	10.138.440.980	8.430.494.213	83,15%

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

BCTC Hợp nhất - Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023		31/12/2024		%THAY ĐỔI
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	308.854.881.321	88,89%	373.427.761.788	93,43%	+20,91%
Nợ dài hạn	38.615.271.328	11,11%	26.274.305.230	6,57%	-31,96%
Tổng Nợ phải trả	347.470.152.649	100%	399.702.067.018	100,00%	+15,03%

BCTC Công ty mẹ - Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	31/12/2023		31/12/2024		%THAY ĐỔI
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	289.071.884.076	97,21%	346.099.468.164	99,03%	+19,73%
Nợ dài hạn	8.293.375.879	2,79%	3.372.871.849	0,97%	-59,33%
Tổng Nợ phải trả	297.365.259.955	100,00%	349.472.340.013	100,00%	+17,52%

Ghi nhận ở Báo cáo tài chính Hợp nhất, cuối năm 2024, Nợ phải trả của Công ty đạt 399,70 tỷ đồng, tăng 52,23 tỷ đồng, tương ứng tăng 15,03% so với đầu năm. Phần lớn mức tăng này đến từ khoản vay và nợ thuê ngắn hạn, tăng 48,77 tỷ đồng (26,88%) lên 230,23 tỷ đồng. Nguyên nhân một phần do các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng tăng, dẫn đến gia tăng dư nợ ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ



MỤC TIÊU CHÍNH

- » Sắp xếp, tinh gọn bộ máy quản lý các cấp.
- » Xây dựng chính sách phúc lợi cho người lao động, góp phần giữ chân người lao động & tuyển dụng thêm lao động mới.
- » Kiểm soát, ổn định công tác chất lượng, tăng năng lực cạnh tranh
- » Kiểm soát tốt chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD.

CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

- Đảm bảo việc làm xuyên suốt cả năm 2024 cho người lao động, nâng cao thu nhập cho người lao động (TNBQ năm 2024 là 9,3 triệu đồng, tăng 8,75% so với năm 2023).
- Tham gia đầy đủ các chế độ BHXH-BHYT-BHTN cho người lao động.
- Xây dựng các chính sách thu hút lao động mới: Hỗ trợ đảm bảo thu nhập 03 tháng đầu tuyển dụng, linh hoạt thời gian làm việc đối với người lao động có hoàn cảnh khó khăn, hỗ trợ tiền xăng xe, hỗ trợ tiền thuê nhà trọ...
- Huấn luyện, tuyên truyền người lao động về Luật lao động & các chính sách về bảo hiểm, đặc biệt là chính sách Bảo hiểm thất nghiệp giúp người lao động yên tâm làm việc, giảm thiểu việc người lao động thôi việc để đăng ký hưởng BHTN & hưởng chế độ BHXH 01 lần, giảm thiểu việc biến động lao động.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

CÔNG TÁC TỔ CHỨC SẢN XUẤT

- Tổ chức các cuộc Hội thảo Kỹ thuật khi vào sản xuất các đơn hàng mới với số lượng lớn, sản xuất tại nhiều đơn vị để thống nhất về công tác Kỹ thuật triển khai, công tác chuẩn bị sản xuất, qui trình tổ chức sản xuất, nhằm nâng cao năng suất lao động.
- Tham quan các đơn vị sản xuất tiên tiến để học hỏi về các mô hình sản xuất mẫu, công tác sáng kiến cải tiến để triển khai áp dụng có hiệu quả tại các đơn vị.
- Duy trì công tác chuyển đổi ngoài, tăng tỉ lệ công đoạn khó chạy trên các thiết bị lập trình để giảm thời gian sản xuất, tăng năng suất lao động.
- Tăng cường áp dụng các rập form, gá cữ vào trong sản xuất, phát động các phong trào thi đua sản xuất hàng tháng; xử lý kịp thời công tác kỹ thuật và chất lượng cho các đơn vị ổn định sản xuất, nâng cao CM từ 40 USD đến 60 USD/người/ngày đối với các chuyển may.
- Đánh giá tình hình chất lượng ở các khâu sản xuất, tổ chức Pre final các đơn hàng để đảm bảo xuất hàng, hạn chế rủi ro gây thiệt hại cho Công ty.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

- Xây dựng định mức chi phí cho từng hạng mục & cho từng đơn vị, giám sát việc thực hiện hàng tuần, đánh giá cho từng tháng để nâng cao hiệu quả SXKD.
- Duy trì hoạt động của Hội đồng giá trong việc lựa chọn các nhà cung cấp về NPL, thiết bị, VPP ... đảm bảo ổn định hoạt động SXKD, tiết kiệm chi phí.
- Quyết toán kịp thời & đầy đủ, báo cáo chi tiết hiệu quả từng đơn hàng, tham mưu kịp thời cho Ban điều hành trong công tác quản lý điều hành.
- Cân đối nguồn vốn, đáp ứng đủ nguồn vốn phục vụ cho hoạt động SXKD của toàn Công ty.

CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

- Duy trì các khách hàng truyền thống trong quy hoạch thị trường: NM Phù Mỹ (Sun S, Big Born), NM Dung Quất (Motives, Centric), NM Nghĩa Hành (Oodji, Quảng Việt).
- Phát triển những khách hàng mới (Costco, Soho) với số lượng đơn hàng lớn giúp cho các nhà máy có điều kiện tăng năng suất lao động.
- Theo dõi, đánh giá tình hình tài chính của các khách hàng để chủ động ứng phó tình hình diễn biến của thị trường, dự phòng rủi ro.
- Đáp ứng đầy đủ việc đồng bộ NPL cho các nhà máy tổ chức sản xuất.

MỤC TIÊU KHÁC

- Duy trì đánh giá công tác trách nhiệm xã hội, đánh giá qui trình sản xuất theo các tiêu chuẩn của các khách hàng tại tất cả các nhà máy trực thuộc.
- Thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, phòng chống bão lụt, đảm bảo an toàn tài sản cho Công ty.
- Tổ chức các phong trào thi đua sản xuất, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động đặc biệt là các ngày Lễ lớn & ngày Tết cổ truyền.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025
1	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	708
2	Tổng doanh thu CM	Triệu USD	15,661
3	Lao động bình quân	Người	2.055
4	Thu nhập lao động bình quân	Đồng/người/tháng	10.751.000
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,2

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Nhằm hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Công ty cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ & thực hiện quyết liệt, cụ thể như sau:

Giải pháp về Thị trường

- Công tác quy hoạch phải sàng lọc, nhận hàng & giao hàng cho các đơn vị liên kết các đơn hàng đơn giản có thời gian chế tạo nhỏ, bên cạnh đó lưu ý biên lợi nhuận hàng gia công liên kết.
- Mở rộng nguồn cung ứng NPL trong và ngoài nước để hạn chế rủi ro trong tình hình căng thẳng thương mại giữa các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là chiến tranh thương mại Mỹ-Trung Quốc.
- Tiếp tục thực hiện đàm phán giá đơn hàng trên cơ sở 1000 giây quy trình công nghệ theo các nhóm sản phẩm chủ lực.
- Khai thác thị trường phát huy thế mạnh của Vinatex Đà Nẵng: Quần tây, Bảo hộ lao động, áo quần trẻ em, Jacket (Gòn, lông vũ, seam).
- Tiếp tục tăng tỉ lệ hàng FOB, giảm tỉ lệ hàng CM gia công.

Giải pháp về Quản trị sản xuất

- Các nhà máy xây dựng kế hoạch bám sát vào thời gian quy trình của phòng KTCN, linh hoạt trong phân công lao động (nhập hoặc tách), kiểm tra đồng bộ NPL, hợp PP, phân công lao động đúng theo trình độ tay nghề.
- Kiểm tra năng suất lao động các chuyền không đạt từng giờ và có giải pháp giải quyết kịp thời. Hàng tuần, tổ chức họp giải quyết các chuyền có năng suất lao động không đạt mục tiêu.
- Xây dựng ngân hàng dữ liệu cải tiến của từng chủng loại sản phẩm và chia sẻ trong toàn hệ thống áp dụng có hiệu quả.
- Tổ chức công tác kỹ thuật triển khai, giám sát chất lượng tại các đơn vị liên kết.
- Tổ chức các Hội thảo kỹ thuật hàng tháng theo từng chuyên đề tại các khu vực nhằm chia sẻ kinh nghiệm của từng đơn vị.

Giải pháp về nguồn nhân lực

- Tiếp tục triển khai mô hình phát triển lao động qua hình thức liên kết nhận hàng gia công của Công ty, phát triển nhiều đơn vị ở nhiều khu vực lân cận gần nhà máy đang sản xuất (Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định), thu hút thêm từ 1000 LĐ đến 1.500 LĐ cùng tham gia sản xuất.
- Liên hệ tuyển dụng các lao động cũ có tay nghề đang nhàn rỗi để làm lao động thời vụ, cam kết thu nhập & linh hoạt thời gian làm việc với đối tượng lao động này.
- Xây dựng & triển khai các chương trình đào tạo dành cho các cấp quản lý để nâng cao năng lực quản lý, chuẩn bị nguồn nhân lực kế cận.
- Rà soát định biên lao động các đơn vị, giảm thiểu lao động gián tiếp, tập trung cho lao động trực tiếp sản xuất.

Giải pháp về Tài chính

- Kiểm soát chặt chẽ các định mức về chi phí: Chi phí NPL, vận chuyển, XNK, tiếp khách ... góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.
- Phối hợp với phòng KDTT đốc thúc việc thu hồi công nợ khách hàng, hạn chế tối đa nợ quá hạn.
- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, công tác tài chính công khai minh bạch
- Cân đối dòng tiền đảm bảo phục vụ cho hoạt động SXKD của Công ty.

Các giải pháp khác

- Tiếp tục duy trì việc đánh giá trách nhiệm xã hội, chất lượng, qui trình sản xuất tại các nhà máy (WRAP, SLCP, Labs, Hig FEM, GMP).
- Tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên dùng hiện đại để không phụ thuộc vào trình độ tay nghề người lao động, góp phần nâng cao năng suất lao động (Máy trải vải và cắt tự động, máy vắt sổ đứng, máy ráp sườn tự động, máy mổ túi, máy thổi gòn ép nhiệt tự động...)
- Triển khai mở rộng Nhà máy May Phù Mỹ (Kho NPL, kho thành phẩm, tổ Cắt) để sắp xếp các khu vực sản xuất, nâng cao hiệu quả SXKD.
- Triển khai ứng dụng ký số điện tử tại các khâu công việc, giảm thiểu thủ tục hành chính.
- Bằng nhiều giải pháp đồng bộ, Ban điều hành Công ty cùng với Cán bộ quản lý & toàn thể CBCNV quyết tâm, nỗ lực cố gắng hoàn thành Kế hoạch SXKD năm 2025.

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG



Bảo vệ môi trường là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công ty. Để đạt được mục tiêu này, Công ty luôn tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Vinatex Đà Nẵng nhận thức rằng bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm của mỗi cá nhân mà còn là trách nhiệm chung của doanh nghiệp đối với cộng đồng và thế hệ tương lai.

Để thực hiện mục tiêu bảo vệ môi trường, Ban Tổng Giám đốc Vinatex Đà Nẵng đã triển khai nhiều biện pháp thiết thực như tiết kiệm năng lượng, tiết kiệm nước, xử lý nước thải và quản lý chất thải theo hệ thống. Công ty đặc biệt chú trọng tối ưu hóa việc sử dụng năng lượng và nước sinh hoạt để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện các giải pháp cải tiến quy trình sản xuất, nâng cao hiệu quả sử dụng thiết bị và áp dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng để giảm thiểu mức tiêu thụ. Công ty còn tích cực tuyên truyền và giáo dục nhân viên, người lao động về việc tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu ảnh hưởng xấu đến môi trường.

Về việc quản lý chất thải, Vinatex Đà Nẵng đã xây dựng các quy trình xử lý chất thải khoa học, bảo đảm việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải được thực hiện đúng quy định và hiệu quả.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đối với Công ty, nguồn lực con người là yếu tố quyết định sự phát triển bền vững, vì vậy việc xây dựng đội ngũ lao động chất lượng cao luôn là ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của Vinatex Đà Nẵng. Để đạt được mục tiêu này, Công ty đã triển khai các chính sách về lương thưởng, phúc lợi và đãi ngộ hấp dẫn, nhằm duy trì đội ngũ nhân viên hiện tại và thu hút những ứng viên tiềm năng.

Công ty cam kết thực hiện đầy đủ các quyền lợi và lợi ích cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn liên quan. Các chính sách của Công ty luôn đảm bảo sự công bằng, xứng đáng với những đóng góp và cống hiến của nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty cũng đảm bảo cung cấp đầy đủ các loại bảo hiểm, chế độ nghỉ phép, và chương trình thưởng Tết cho toàn bộ công nhân viên.

Ngoài ra, Vinatex Đà Nẵng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo, giúp người lao động nâng cao năng lực và kỹ năng nghề nghiệp. Công ty cũng đặc biệt chú trọng đến môi trường làm việc, tạo ra một không gian làm việc sạch sẽ, an toàn và tích cực để nâng cao hiệu quả công việc và sự hài lòng của nhân viên.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty nhận thức rằng mình là một phần quan trọng của xã hội và cam kết thực hiện các hoạt động xã hội nhằm góp phần xây dựng một cộng đồng vững mạnh. Vinatex Đà Nẵng luôn xác định mục tiêu phát triển kinh tế phải gắn liền với sự phát triển chung của địa phương và cộng đồng. Với tinh thần này, Công ty tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội, thiện nguyện, qua đó đóng góp vào sự phát triển bền vững của xã hội và trở thành một phần hữu ích, tích cực của cộng đồng.

Công ty thường xuyên phối hợp với chính quyền địa phương để thực hiện các chương trình thiện nguyện có ý nghĩa, như tặng quà và trao thưởng cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Tham gia vào các hoạt động nhân văn này không chỉ là nghĩa vụ của một doanh nghiệp đối với cộng đồng mà còn là trách nhiệm đạo đức và tình cảm của mỗi cán bộ công nhân viên đối với xã hội nơi Công ty đang hoạt động.



CHƯƠNG IV: BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 62 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- 62 ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
- 62 CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2024, trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, xung đột leo thang ở nhiều khu vực, giá xăng dầu, cước vận tải biến động mạnh, kinh tế thương mại phục hồi chậm, đặc biệt tổng đầu tư toàn cầu sụt giảm, thiên tai, biến đổi khí hậu, an ninh năng lượng diễn biến phức tạp, ngành dệt may Việt Nam vẫn giữ được mức tăng trưởng khá. Trong năm 2024, dưới sự chỉ đạo của ban lãnh đạo, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp và chính sách phù hợp với định hướng, nhằm ứng phó hiệu quả trước những khó khăn và vướng mắc gặp phải. Đặc biệt, Công ty đã chú trọng đến các giải pháp kinh doanh và nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho đơn vị trong bối cảnh thị trường dệt may đối mặt với nhiều biến động trong năm đầy thử thách này.

Về mặt môi trường, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định liên quan đến bảo vệ môi trường. Công ty xử lý chất thải đúng quy định, sử dụng tiết kiệm năng lượng điện và nước, đồng thời hạn chế việc thải ra các chất gây hại cho môi trường xung quanh. Công ty cũng chú trọng cải tiến quy trình sản xuất và kinh doanh để giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường xanh.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên tham gia các hoạt động cộng đồng. Trong năm qua, Công ty đã phối hợp cùng chính quyền địa phương tổ chức các chương trình thiện nguyện ý nghĩa, như tặng quà và trao thưởng cho các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Kết thúc năm 2024, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng các quy định trong Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty đúng với nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế Công ty, đồng thời thực hiện đầy đủ các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị đánh giá nhân sự điều hành, bao gồm Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác, đều hoàn thành tốt công việc. Họ có trình độ chuyên môn vững vàng, được đào tạo bài bản và tích lũy nhiều kinh nghiệm trong công tác điều hành và quản lý.

CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025
1	Tổng doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	708
2	Tổng doanh thu CM	Triệu USD	15,661
3	Lao động bình quân	Người	2.055
4	Thu nhập lao động bình quân	Đồng/người/tháng	10.751.000
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	11,2
6	Cổ tức	%	20



CHƯƠNG V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 66 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- 69 BAN KIỂM SOÁT
- 70 CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020 - 2025

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT - Chuyên trách	26/06/2020
2	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT - Không điều hành	22/11/2023
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT - Không điều hành	03/04/2018
4	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	26/06/2020
5	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	26/06/2020

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024: Không có

CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này, Hội đồng quản trị chưa có kế hoạch thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 và tình hình thực tế của Công ty, HĐQT xây dựng chương trình hoạt động hàng quý, năm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên giám sát, kiểm tra mọi mặt hoạt động SXKD của Công ty, đồng thời chỉ đạo đối với Ban điều hành tổ chức, triển khai nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của HĐQT.

Hàng quý, HĐQT tổ chức họp để đánh giá kết quả SXKD trong kỳ, đánh giá những việc làm được, đánh giá những mặt còn tồn tại hạn chế, xây dựng kế hoạch & giải pháp cho kế hoạch còn lại nhằm hoàn thành các chỉ tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2024 đã quyết nghị.

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT - Chuyên trách	07	100%
2	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT - Không điều hành	07	100%
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT - Không điều hành	07	100%
4	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	07	100%
5	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	07	100%



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024

Năm 2024, Hội đồng Quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp, cả định kỳ cũng như đột xuất, và ban hành 07 Nghị quyết. Nội dung và kết quả các cuộc họp của HĐQT trong năm 2024 thể hiện ở các nghị quyết như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2024/NQ-HĐQT	18/01/2024	Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc ký kết & thực hiện hợp đồng với các bên có liên quan trong năm 2024	100%
2	02/2024/NQ-HĐQT	16/04/2024	Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 nhằm chuẩn bị đầy đủ tài liệu ĐHĐCĐ	100%
3	03/2024/NQ-HĐQT	23/04/2024	Nghị quyết HĐQT thống nhất thông qua việc tổ chức ĐHČĐ thường niên năm 2024 vào ngày 21/06/2026	100%
4	04/2024/NQ-HĐQT	16/07/2024	Nghị quyết HĐQT về việc chi trả cổ tức năm 2023	100%
5	05/2024/NQ-HĐQT	27/08/2024	Nghị quyết HĐQT về việc triển khai phương án phát hành; thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	100%
6	06/2024/NQ-HĐQT	27/08/2024	Nghị quyết HĐQT về việc xác định tiêu chuẩn và nguyên tắc xác định số cổ phiếu được phân phối cho từng đối tượng và thời gian thực hiện - Danh sách người lao động được tham gia chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động	100%
7	07/2024/NQ-HĐQT	14/11/2024	Nghị quyết HĐQT về việc đăng ký tăng vốn điều lệ và thực hiện các thủ tục liên quan	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP: Không có

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hiện nay các thành viên HĐQT đang tích cực trao đổi kinh nghiệm quản trị từ các thông lệ tốt trên thị trường và Công ty luôn tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác tham gia các khóa huấn luyện, đào tạo, các buổi hội thảo, đối thoại do UBCKNN, Sở GDCK Hà Nội, VSDC, và các đơn vị chuyên môn tổ chức.

BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2020 - 2025

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	NGÀY BỔ NHIỆM
1	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán	26/06/2020
2	Ông Lương Chương	Thành viên BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán	26/06/2020
3	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên BKS	Cử nhân Tài chính Kế toán	26/06/2020

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát và triển khai thực hiện tại tất cả các đơn vị trực thuộc và Công ty con, bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá các hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong việc thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Kiểm tra, giám sát quyền lợi của người lao động và các cổ đông.
- Đánh giá kết quả sản xuất, kinh doanh.
- Kiểm tra, giám sát tình hình tài chính của Công ty để đảm bảo tính hợp pháp và trung thực của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực kế toán hiện hành.

Hàng tháng, Ban kiểm soát được mời tham gia các cuộc đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, và những kiến nghị của Ban kiểm soát sẽ được ghi nhận và triển khai thực hiện.

HĐQT, Ban điều hành và Ban kiểm soát luôn phối hợp chặt chẽ với nhau vì lợi ích chung của Công ty, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng BKS	04	100%
2	Ông Lương Chương	Thành viên BKS	04	100%
3	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên BKS	04	100%

Năm 2024, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 phiên họp, mỗi cuộc họp đều nhằm mục tiêu rà soát và đảm bảo tính minh bạch cũng như hiệu quả hoạt động của Công ty. Các phiên họp diễn ra dưới sự chỉ đạo của Trưởng Ban kiểm soát và có sự tham gia đầy đủ của tất cả thành viên trong Ban kiểm soát. Nội dung cụ thể của từng phiên họp bao gồm:

- Phiên họp thứ nhất (Quý I/2024): Đánh giá tình hình tài chính đầu năm 2024 và lập kế hoạch kiểm soát cho các quý trong năm.
- Phiên họp thứ hai (Quý II/2024): Xem xét các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông năm 2024, thảo luận và phê duyệt kế hoạch kiểm soát cho nửa cuối năm 2024.
- Phiên họp thứ ba (Quý III/2024): Đánh giá tiến độ thực hiện các kế hoạch đã đề ra, kiểm soát kế hoạch chi trả cổ tức và kế hoạch triển khai phát hành cổ phiếu cho người lao động của HĐQT, đưa ra các giải pháp cải thiện nếu cần thiết.
- Phiên họp thứ tư (Quý IV/2024): Chuẩn bị và kiểm tra báo cáo tài chính năm, kiểm soát chi tiêu và đề xuất chính sách phân phối lợi nhuận hợp lý cho năm tiếp theo.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	LOẠI LỢI ÍCH	NĂM 2024
1	Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000
			Thưởng	330.000.000
2	Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000
3	Ông Nguyễn Xuân Đông	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000
			Thưởng	50.000.000
4	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm TGD	Thù lao HĐQT	48.000.000
			Lương, thưởng	975.052.549
5	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	Thù lao HĐQT	48.000.000
			Lương, thưởng	1.111.800.352
6	Ông Văn Hữu Thành	Phó TGD	Lương, thưởng	584.649.362
7	Ông Phạm Vũ Bằng	GĐDH kiêm Thư ký HĐQT	Thù lao HĐQT	36.000.000
			Lương, thưởng	684.431.024
8	Ông Nguyễn Thành An	Giám đốc điều hành	Lương, thưởng	590.122.985
9	Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	598.830.177
10	Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng BKS	Thù lao BKS	60.000.000
			Thưởng	50.000.000
11	Ông Lương Chương	Thành viên BKS	Thù lao BKS	120.000.000
			Thưởng	51.000.000
12	Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên BKS	Thù lao BKS	36.000.000
			Thưởng	30.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

Năm 2024, Công ty thực hiện triển khai phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty. Theo đó, những người nội bộ tham gia giao dịch cổ phiếu Công ty như sau:

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SLCP TRƯỚC GIAO DỊCH	SLCP THỰC HIỆN MUA	SLCP SAU GIAO DỊCH
1	Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT kiêm TGD	39.400	10.600	50.000
2	Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	14.800	10.600	25.400
3	Ông Lương Chương	Thành viên BKS	33.090	2.600	35.690
4	Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	26.755	8.000	34.755
5	Ông Phạm Vũ Bằng	Giám đốc điều hành	11.000	8.000	19.000
6	Ông Nguyễn Thành An	Giám đốc điều hành	9.600	6.500	16.100
7	Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	16.090	8.000	24.090



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

GIAO DỊCH GIỮA NGƯỜI NỘI BỘ CÔNG TY, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VỚI CÔNG TY CON, CÔNG TY DO CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT

Không có

GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với 02 bên liên quan, chi tiết giao dịch như sau:

Tên tổ chức/cá nhân	Mối liên hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
Công ty CP may Vinatex Nghĩa Hành	Công ty con	4300819830, do Sở KH&ĐT Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/07/2018	Cụm công nghiệp Đồng Dinh, TT. Chợ Chùa, H. Nghĩa Hành, Quảng Ngãi	Từ tháng 01/2024 đến 12/2024	Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 18/01/2024	Bán hàng: 12.088.210.061 đồng Mua hàng: 11.239.915.262 đồng	Gia công hàng may mặc
Tổng Công ty CP May Nhà Bè	NCLQ đến Chủ tịch HĐQT	0300398889, do Sở KH&ĐT TP. HCM cấp lần đầu ngày 24/03/2005	Số 4 Bến Nghé, P. Tân Thuận Đông, Q. 7, TP. HCM	Từ tháng 07/2024 đến 12/2024	Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐQT ngày 18/01/2024	Bán hàng: 944.256.768 đồng. Mua NPL: 37.923.608 đồng.	Gia công hàng may mặc, mua phụ liệu

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị công ty đóng vai trò then chốt trong việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh. Do đó, CTCP Vinatex Đà Nẵng luôn đảm bảo quản trị đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ, đồng thời xây dựng hệ thống quản trị hợp lý, phù hợp với đặc điểm, lợi ích và mục tiêu của Công ty cùng các cổ đông.

Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý liên quan đến công tác báo cáo quản trị và công bố thông tin theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mục tiêu của công ty là không ngừng nâng cao và hoàn thiện hệ thống quản trị công ty, áp dụng các thông lệ quản trị tốt nhất, thực hiện tối ưu các mục tiêu đã đề ra trong điều kiện kinh tế biến động.

Công ty cũng cử đại diện tham gia các hội thảo và khóa tập huấn trực tuyến hoặc trực tiếp về quản trị công ty do UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội tổ chức. Điều này giúp Ban lãnh đạo công ty cập nhật và áp dụng các phương thức quản trị mới, hiệu quả hơn. Nhờ vậy, công ty luôn sẵn sàng ứng phó kịp thời và cập nhật đầy đủ các văn bản pháp lý trước những thay đổi về luật mới và quy định của UBCKNN và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.



CHƯƠNG VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

76 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2024



MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7 - 8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản xuất – Xuất khẩu Dệt may Đà Nẵng theo Quyết định số 142/QĐ-BCN ngày 23/11/2004 của Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400410498 ngày 08/08/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 11 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/11/2024), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty đã đăng ký và giao dịch cổ phiếu phổ thông trên thị trường Upcom tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 15/07/2010 với mã chứng khoán là VDN.

Vốn điều lệ: 32.989.100.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 25 Trần Quý Cáp, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại: (84) 0236.3827116
- Fax: (84) 0236.3823367
- Website: www.vinatexdn.com.vn

Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hàng may mặc.

Nhân sự

Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2024 là 2.178 người (tại ngày 01/01/2024 là 2.511 người).

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Phạm Phú Cường | Chủ tịch | Tái bổ nhiệm ngày 26/06/2020 |
| • Ông Hồ Hai | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Xuân Đông | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26/06/2020 |
| • Ông Đặng Trọng Tâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/06/2020 |
| • Ông Lê Thúc Dung | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 22/11/2023 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|-------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Huỳnh Tấn Long | Trưởng ban | Tái bổ nhiệm ngày 26/06/2020 |
| • Ông Lương Chương | Ủy viên | Tái bổ nhiệm ngày 26/06/2020 |
| • Ông Nguyễn Thăng Long | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 26/06/2020 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Hồ Hai	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/10/2009
• Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 18/12/2023
• Ông Đặng Trọng Tâm	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11/01/2016
• Ông Nguyễn Thành An	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 11/01/2016
• Ông Phạm Vũ Bằng	Giám đốc điều hành	Bổ nhiệm ngày 06/01/2020
• Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/05/2014

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Hồ Hai
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2025



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP CỦA PRIMEGLOBAL
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH
Trụ sở chính: Số 218 (Lô 78-80) Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 306/2025/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 18/03/2025 của Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 4 đến trang 42, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2023-010-1
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Dương Thị Vân Thanh – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3671-2021-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		331.443.611.522	287.141.387.722
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	42.108.620.611	19.032.201.675
1. Tiền	111		42.108.620.611	19.032.201.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		157.787.145.302	135.309.810.649
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	152.209.710.661	117.896.909.090
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	7.368.775.668	12.963.345.634
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8.a	1.438.941.573	7.645.391.490
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.230.282.600)	(3.195.835.565)
IV. Hàng tồn kho	140	10	118.265.771.159	116.554.942.697
1. Hàng tồn kho	141		122.272.682.102	117.079.743.403
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.006.910.943)	(524.800.706)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.282.074.450	16.244.432.701
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	1.399.981.525	1.429.838.991
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		11.868.916.939	14.808.075.191
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	13.175.986	6.518.519
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.718.654.960	133.131.946.496
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.460.493.000	2.460.493.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	8.b	2.460.493.000	2.460.493.000
II. Tài sản cố định	220		118.862.437.386	122.280.274.070
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	110.233.083.173	113.408.416.192
- Nguyên giá	222		280.828.914.813	285.120.154.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(170.595.831.640)	(171.711.738.245)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	198.860.000	397.676.000
- Nguyên giá	225		2.982.284.000	2.982.284.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.783.424.000)	(2.584.608.000)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	8.430.494.213	8.474.181.878
- Nguyên giá	228		10.138.440.980	9.831.208.938
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.707.946.767)	(1.357.027.060)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		9.878.434.406	2.641.034.028
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	9.878.434.406	2.641.034.028
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.802.212.615	3.142.330.401
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	16.a	4.623.817.991	2.909.507.649
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16.b	303.000.000	303.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	16.b	(124.605.376)	(70.177.248)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.715.077.553	2.607.814.997
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	2.715.077.553	2.607.814.997
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		470.162.266.482	420.273.334.218

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
A. Nợ phải trả	300		399.702.067.018	347.470.152.649
I. Nợ ngắn hạn	310		373.427.761.788	308.854.881.321
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	46.900.753.696	44.702.420.132
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	4.350.183.909	575.578.362
3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	19	4.471.978.055	5.029.582.346
4. Phải trả người lao động	314		71.774.751.472	56.404.341.973
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	4.327.635.082	5.089.682.745
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21.a	5.381.021.662	8.578.238.171
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22.a	230.233.512.565	181.460.112.245
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.987.925.347	7.014.925.347
II. Nợ dài hạn	330		26.274.305.230	38.615.271.328
1. Phải trả dài hạn khác	337	21.b	10.000.000	10.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22.b	21.069.068.830	33.067.172.860
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	23	5.195.236.400	5.538.098.468
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		70.460.199.464	72.803.181.569
I. Vốn chủ sở hữu	410		70.438.958.215	72.781.940.320
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	24	32.989.100.000	31.429.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.989.100.000	31.429.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.423.200.000	1.488.800.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	24	(182.700.000)	(182.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	24	21.505.630.016	21.505.630.016
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	24	19.428.650.622	19.890.428.769
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.628.968.769	15.953.538.908
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.799.681.853	3.936.889.861
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(4.724.922.423)	(1.349.318.465)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		21.241.249	21.241.249
1. Nguồn kinh phí	431		21.241.249	21.241.249
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		470.162.266.482	420.273.334.218



Hồ Hải
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng
Người lập biểu
Lê Đình Bích Hợp
Trần Thị Thi

BÁO CÁO KẾT QUẢ
HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	706.828.993.606	634.677.505.734
2. Các khoản giảm trừ	02	27	196.731.149	242.356.597
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		706.632.262.457	634.435.149.137
4. Giá vốn hàng bán	11	28	651.170.543.771	571.191.359.514
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		55.461.718.686	63.243.789.623
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	9.956.929.762	9.081.577.505
7. Chi phí tài chính	22	30	15.397.166.165	18.188.231.151
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11.062.025.049	13.563.416.184
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, l.doanh	24		1.714.310.342	132.897.549
9. Chi phí bán hàng	25	31.a	35.145.539.907	33.095.189.382
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31.b	17.064.655.400	19.181.224.111
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(474.402.682)	1.993.620.033
12. Thu nhập khác	31	32	4.325.286.373	7.022.728.847
13. Chi phí khác	32	33	111.887.322	9.777.232.038
14. Lợi nhuận khác	40		4.213.399.051	(2.754.503.191)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.738.996.369	(760.883.158)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	1.657.780.542	723.829.042
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	35	(342.862.068)	1.036.981.873
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		2.424.077.895	(2.521.694.073)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		5.799.681.853	3.936.889.861
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(3.375.603.958)	(6.458.583.934)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	1.838	1.265
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	36	1.838	1.265



Hồ Hai
Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

[Signature]

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

[Signature]

Trần Thị Thi

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.738.996.369	(760.883.158)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	12, 13, 14	14.938.320.967	15.805.810.463
- Các khoản dự phòng	03		3.570.985.400	258.734.077
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		54.292.194	1.023.667.561
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.284.204.637)	1.807.510.347
- Chi phí lãi vay	06	30	11.062.025.049	13.563.416.184
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		31.080.415.342	31.698.255.474
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(18.483.629.180)	30.063.235.199
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.192.938.699)	21.601.003.530
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		17.278.300.377	(54.686.926.237)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(50.132.363)	1.830.948.993
- Tiền lãi vay đã trả	14	20, 30	(11.073.890.187)	(13.645.778.770)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(883.084.687)	(3.338.515.403)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	55.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.027.000.000)	(644.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		11.648.040.603	12.933.222.786
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(20.105.847.675)	(8.843.007.821)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		400.340.000	1.211.718.182
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(380.000.000)	(5.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		380.000.000	5.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29	169.554.295	337.822.199
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(19.535.953.380)	(7.293.467.440)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	24	1.516.400.000	1.435.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	22	608.370.664.976	623.165.755.025
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	22	(573.140.054.391)	(631.420.532.750)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21a, 24	(6.255.480.000)	(7.144.160.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		30.491.530.585	(13.963.437.725)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ				
Tiền và tương đương tiền tồn đầu kỳ	50		22.603.617.808	(8.323.682.379)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	60	5	19.032.201.675	27.386.920.310
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		472.801.128	(31.036.256)
Tiền và tương đương tiền tồn cuối kỳ	70	5	42.108.620.611	19.032.201.675



Tổng Giám đốc

Hồ Hai

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2025

Kế toán trưởng

Lê Đình Bích Hợp

Người lập biểu

Trần Thị Thi

Mẫu số B 09-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BT
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ việc cổ phần hoá Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Sản xuất – Xuất khẩu Dệt may Đà Nẵng theo Quyết định số 142/QĐ-BCN ngày 23/11/2004 của Bộ Công nghiệp. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400410498 ngày 08/08/2005 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này đã được điều chỉnh 10 lần và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 31/03/2023), Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất hàng may mặc.

1.3. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con và Công ty liên kết được hợp nhất:

Công ty con: Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN Đồng Dinh, Thị trấn Chợ Chùa, Huyện Nghĩa Hành, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thun đan, áo len; Đại lý; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Kinh doanh nhà hàng; Khách sạn; Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 51,00%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 51%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty liên kết: Công ty CP May Vinatex Đức Phổ

- Địa chỉ trụ sở chính: Cụm CN Phổ Hòa, Xã Phổ Hòa, Huyện Đức Phổ, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất hàng may mặc xuất khẩu, hàng thun đan, áo len; Đại lý; Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; Kinh doanh nhà hàng; Khách sạn; Bán lẻ hàng thủ công mỹ nghệ; Xây dựng nhà các loại; Lắp đặt hệ thống điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Dịch vụ giao nhận, bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu.
- Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 24,00%.
- Quyền biểu quyết của Công ty: 24,00%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động sản xuất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Công ty liên kết: Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè

- Địa chỉ: Cụm Công nghiệp Trung An, Ấp Bình Tạo, xã Trung An, Thành phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam.
- Ngành nghề kinh doanh chính: Hoàn thiện sản phẩm dệt. Chi tiết: tẩy vải dệt, sợi, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo; tẩy quần bò, hồ vải, hấp, làm co, chống co, ngâm kiềm vải, sản phẩm dệt bao gồm cả quần áo; Giặt là, làm sạch sản phẩm dệt từ lông thú; cho thuê máy móc, thiết bị, đồ dung hữu hình khác.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty: 31%.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty: 31%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất

Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con.

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty mẹ và công ty con.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và công ty con bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chỉ tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các doanh nghiệp mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Công ty trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu phần lợi ích của Công ty trong khoản lỗ của Công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư bị giảm tới không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ, trừ khi Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: Phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 – 25
Máy móc, thiết bị	4 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10

4.7 Tài sản cố định thuê tài chính

Nguyên giá

Tài sản cố định thuê tài chính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Hợp đồng thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Giá trị của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản là giá trị hợp lý của tài sản thuê. Trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu thì giá trị của tài sản thuê là giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khấu hao

Chính sách khấu hao tài sản cố định thuê tài chính nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, tài sản thuê tài chính thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Trường hợp Công ty không chắc chắn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê và thời gian thuê ngắn hơn thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê, Công ty thực hiện khấu hao theo thời gian đi thuê.

Thời gian khấu hao tài sản cố định thuê tài chính tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	15

4.8 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp để có được quyền sử dụng đất hợp pháp.

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao tài sản cố định vô hình tại Công ty cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Phần mềm máy tính	3 - 5

4.9 Thuê tài sản

Thuê hoạt động là việc thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán tiền thuê dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

4.10 Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tồn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: Phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: Chi phí lãi vay, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ và lỗ tỷ giá hối đoái.

4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.21 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.22 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.23 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
 - ✓ Thuế suất 0%: Áp dụng cho hoạt động dệt may xuất khẩu;
 - ✓ Thuế suất 10%: Áp dụng đối với các hoạt động bán hàng dệt may trong nước và cung cấp các dịch vụ khác. Năm 2024, Công ty được áp dụng thuế suất 8% theo quy định tại Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định 72/2023/NĐ-CP ngày 30/06/2024 của Chính phủ.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
 - ✓ Thu nhập tại Nhà máy May Phù Mỹ: Phần thu nhập tăng thêm do đầu tư mở rộng được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo diện đầu tư mở rộng (ưu đãi miễn giảm thuế theo địa bàn). Huyện Phù Mỹ thuộc địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do đó được miễn Thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong chín năm tiếp theo. Việc đầu tư mở rộng hoàn thành đưa vào sử dụng tháng 9/2016 và vì năm 2016 thời gian hoạt động dưới 3 tháng nên Công ty đăng ký tính ưu đãi về miễn giảm thuế từ năm 2017. Theo đó, thu nhập của Nhà máy sẽ được miễn thuế 4 năm (từ năm 2017 đến năm 2020) và giảm 50% trong 9 năm (từ năm 2021 đến năm 2029). Ưu đãi trên áp dụng theo quy định tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 06 năm 2015 của Bộ Tài chính.
 - ✓ Thu nhập của Nhà máy may Nghĩa Hành thuộc Công ty CP May Vinatex Nghĩa Hành: Dự án áp dụng mức thuế suất 17% trong thời hạn 10 năm; được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 4 năm tiếp theo. Theo quy định thì trường hợp Dự án không có thu nhập chịu thuế trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án thì thời gian miễn giảm thuế được tính từ năm thứ 4. Năm 2020 là năm đầu tiên Dự án có doanh thu và Dự án không có thu nhập chịu thuế trong 3

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

năm đầu tiên kể từ năm 2020. Do vậy, Công ty áp dụng thuế suất ưu đãi 17% trong 10 năm (từ năm 2020 đến năm 2029), áp dụng ưu đãi miễn thuế 2 năm (từ năm 2023 đến năm 2024) và áp dụng giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2028). Công ty tự xác định ưu đãi thuế của Dự án (ưu đãi miễn giảm thuế theo địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn) theo điểm a khoản 4 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Điều 6 Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

✓ Thu nhập từ các hoạt động khác: Áp dụng mức thuế suất là 20%.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	49.363.500	119.241.445
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.059.257.111	18.912.960.230
Cộng	42.108.620.611	19.032.201.675

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2024	01/01/2024
Supreme International LLC	-	11.066.482.894
Motives International (Hong Kong) Limited	16.276.106.003	10.727.427.578
Fishman and Tobin Inc (F & T Apparel, LLC) (*)	93.639.190.600	79.767.417.964
SUN-S CO., LTD	7.381.035.584	3.210.983.974
Công ty TNHH Quảng Việt Tiền Giang	938.556.359	-
Công ty TNHH Focuz Việt Nam	26.185.621.938	-
Công ty CP Thương mại Nhà Bè	740.183.861	938.962.305
Các đối tượng khác	7.049.016.316	12.185.634.375
Cộng	152.209.710.661	117.896.909.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	6.000.000.000	11.000.000.000
Các đối tượng khác	1.368.775.668	1.963.345.634
Cộng	7.368.775.668	12.963.345.634

8. Phải thu khác

a. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tạm ứng	255.520.905	-	213.188.330	-
Phải thu đền bù bảo hiểm	-	-	4.851.143.541	-
Bù Mạnh Hùng	167.124.536	167.124.536	167.124.536	167.124.536
Phải thu BHXH của người lao động	550.095.786	-	645.882.427	-
Thuế TNCN phải thu người lao động	254.252.809	-	655.608.627	-
Phải thu khác	211.947.537	41.223.464	1.112.444.029	41.223.464
Cộng	1.438.941.573	208.348.000	7.645.391.490	208.348.000

b. Phải thu dài hạn khác

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định (*)	573.100.000	-	573.100.000	-
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi (**)	1.330.858.000	-	1.330.858.000	-
Ký cược, ký quỹ tiền thuê nhà xưởng (***)	556.535.000	-	556.535.000	-
Cộng	2.460.493.000	-	2.460.493.000	-

(*) Tiền ký quỹ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư mở rộng nhà máy may Phù Mỹ theo thông báo số 152/ TB-SKHĐT ngày 10/08/2020 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Định.

(**) Tiền ký quỹ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi để bảo đảm thực hiện dự án đầu tư đối với dự án Nhà máy may Vinatex Nghĩa Hành theo Thỏa thuận số 71/KQ-SKHĐT ngày 25/10/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi.

(***) Khoản tiền đặt cọc thuê nhà xưởng tại lô 40 - 41 Đường số 2, Khu Công nghiệp An Đồn, Đà Nẵng theo Hợp đồng số 01/2022/HĐTNX/VLLV-VĐN ngày 01/07/2022 với Công ty TNHH Valley View Việt Nam Industrial.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2024	Năm 2023
Dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu kỳ	3.195.835.565	3.195.835.565
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm	34.447.035	-
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm	-	-
Dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối kỳ	3.230.282.600	3.195.835.565

10. Hàng tồn kho

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	1.082.399.456	-	892.318.838	-
Nguyên liệu, vật liệu	37.457.664.937	28.294.463	20.424.488.412	-
Công cụ, dụng cụ	266.162.890	13.163.296	13.163.296	13.163.296
Chi phí SX, KD dở dang	31.747.195.034	-	50.554.281.126	-
Thành phẩm	45.650.127.358	3.965.453.184	42.360.593.782	511.637.410
Hàng gửi bán	6.069.132.427	-	2.834.897.949	-
Cộng	122.272.682.102	4.006.910.943	117.079.743.403	524.800.706

- Giá trị hàng tồn kho chậm tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2024 là 8.442.548.729 đồng. Hiện nay, Công ty đang có kế hoạch giảm giá bán để thanh lý đối với các mặt hàng này.
- Giá trị hàng tồn kho luân chuyển dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ khoảng 75 tỷ đồng.

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	321.753.592	273.487.262
Tiền bảo hiểm	565.990.788	543.088.645
Chi phí sửa chữa	120.562.196	92.803.923
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	391.674.949	520.459.161
Cộng	1.399.981.525	1.429.838.991

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.177.319.844	1.322.971.334
Chi phí sửa chữa	967.478.145	786.890.987
Tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	318.537.607	364.591.237
Chi phí trả trước dài hạn khác	251.741.957	133.361.439
Cộng	2.715.077.553	2.607.814.997

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	121.183.464.135	132.973.617.671	27.790.586.115	3.172.486.516	285.120.154.437
Phân loại lại	(15.016.114)	15.016.114	-	-	-
Tăng trong năm	-	11.213.252.241	-	-	11.213.252.241
Giảm trong năm	-	15.336.332.365	-	168.159.500	15.504.491.865
Số cuối năm	121.168.448.021	128.865.553.661	27.790.586.115	3.004.327.016	280.828.914.813
Khấu hao					
Số đầu năm	51.975.095.796	105.771.878.306	11.070.930.619	2.893.833.524	171.711.738.245
Phân loại lại	(5.345.486)	5.345.486	-	-	-
Khấu hao trong năm	5.102.397.375	7.106.775.728	2.105.787.130	73.625.027	14.388.585.260
Giảm trong năm	-	15.336.332.365	-	168.159.500	15.504.491.865
Số cuối năm	57.072.147.685	97.547.667.155	13.176.717.749	2.799.299.051	170.595.831.640
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	69.208.368.339	27.201.739.365	16.719.655.496	278.652.992	113.408.416.192
Số cuối năm	64.096.300.336	31.317.886.506	14.613.868.366	205.027.965	110.233.083.173

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024 là 89.553.474.599 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 95.115.083.333 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. Tài sản cố định thuê tài chính

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	2.982.284.000	2.982.284.000
Thuê tài chính trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.982.284.000	2.982.284.000
Khấu hao		
Số đầu năm	2.584.608.000	2.584.608.000
Khấu hao trong năm	198.816.000	198.816.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	2.783.424.000	2.783.424.000
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	397.676.000	397.676.000
Số cuối năm	198.860.000	198.860.000

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	7.979.882.783	1.851.326.155	9.831.208.938
Mua trong năm	-	307.232.042	307.232.042
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	7.979.882.783	2.158.558.197	10.138.440.980
Khấu hao			
Số đầu năm	-	1.357.027.060	1.357.027.060
Khấu hao trong năm	-	350.919.707	350.919.707
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	1.707.946.767	1.707.946.767
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	7.979.882.783	494.299.095	8.474.181.878
Số cuối năm	7.979.882.783	450.611.430	8.430.494.213

- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2024 là 7.979.882.783 đồng
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2024 là 776.119.695 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
Trung tâm Thương mại Dệt may 81 Thái Phiên	2.278.318.104	2.278.318.104
Đầu tư cải tạo mở rộng qui mô SX tại NM May Phù Mỹ	6.416.899.246	335.443.197
Đầu tư cải tạo tại NM May Dung Quất	1.183.217.056	-
Chi phí thiết kế thi công PCCC Phù Mỹ	-	27.272.727
Cộng	9.878.434.406	2.641.034.028

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. Đầu tư tài chính dài hạn
a. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2024			01/01/2024		
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu	
Công ty CP May Vinatex Đức Phổ	Đang hoạt động	24,0%	600.000	4.623.817.991	2.909.507.649	
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Đang hoạt động	31,0%		-	-	
Cộng				4.623.817.991	2.909.507.649	

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2024			01/01/2024		
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng
Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định (NDT) (i)	Đang hoạt động	0,2%	34.500	303.000.000	124.605.376	70.177.248
Cộng				303.000.000	124.605.376	70.177.248

(i) Giá trị hợp lý của cổ phiếu NDT được xác định theo giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Hangzhou Specialty Textile Trading Co.,Ltd	4.552.527.962	11.892.428.237
Công ty CP Thiết bị Âu Á	12.212.290.006	4.419.249.924
Shaista Creations Limited	506.383.516	6.825.475.134
Công ty TNHH may Tam Xuân	693.633.780	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Tuyệt Nhung	561.545.530	437.372.328
Các đối tượng khác	28.374.372.902	21.127.894.509
Cộng	46.900.753.696	44.702.420.132

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
August Limited Liability Company	2.584.482.419	-
Logo TT DWC LLC Dubai	152.981.458	-
Itochu Corporation Osasl Section	382.176.810	-
Market Fit Indochine Limited	71.263.034	71.263.034
Jiangsu Soho Technology Trading co.,Ltd	727.237.932	-
Các đối tượng khác	432.042.256	504.315.328
Cộng	4.350.183.909	575.578.362

19. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	4.329.426.343	19.828.792.509	21.202.399.362	-	2.955.819.490
Thuế GTGT hàng nhập khẩu			57.002.421	57.002.421	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	60.833.118	74.009.104	13.175.986	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	697.656.003	1.657.780.542	883.084.687	-	1.472.351.858
Thuế thu nhập cá nhân	6.518.519	2.500.000	880.593.092	832.767.866	-	43.806.707
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.314.768.139	1.314.768.139	-	-
Các loại thuế khác	-	-	35.934.401	35.934.401	-	-
Cộng	6.518.519	5.029.582.346	23.835.704.222	24.399.965.980	13.175.986	4.471.978.055

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Trích trước chi phí lãi vay	71.648.741	83.513.879
Phí thanh toán quốc tế	2.085.318.955	2.469.564.612
Chi phí làm hàng Supreme	-	411.302.834
Chi phí xuất nhập khẩu hàng Focuz và phí giám sát	1.278.830.000	-
Các khoản trích trước khác	891.837.386	2.125.301.420
Cộng	4.327.635.082	5.089.682.745

21. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Kinh phí công đoàn	3.037.300.119	3.942.991.088
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	298.805.552	1.042.543.821
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	168.996.167	163.016.167
Phải trả khác	1.875.919.824	3.429.687.095
- Phải trả các chi phí liên quan đến hàng tồn kho bị tổn thất do lũ lụt	812.362.644	2.022.321.134
- Thù lao HĐQT và BKS	309.257.501	274.590.833
- Các khoản phải trả khác	754.299.679	1.132.775.128
Cộng	5.381.021.662	8.578.238.171

b. Dài hạn

	31/12/2024	01/01/2024
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	10.000.000
Cộng	10.000.000	10.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	169.903.168.051	607.963.615.532	559.991.374.109	217.875.409.474
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	74.516.269.568	110.608.253.775	127.131.517.558	57.993.005.785
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Đà Nẵng	27.723.805.057	43.905.405.767	71.033.556.157	595.654.667
- Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đà Nẵng	37.077.202.856	223.906.920.233	177.406.881.043	83.577.242.046
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam- Chi nhánh Đà Nẵng	13.938.302.252	17.638.768.067	13.938.302.252	17.638.768.067
- Ngân hàng TMCP Công thương_ Chi nhánh Đà Nẵng	16.627.588.318	106.418.384.136	92.845.043.774	30.200.928.680
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN ĐN	-	37.773.125.894	19.988.116.508	17.785.009.386
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương - CN ĐN	-	67.712.757.660	57.627.956.817	10.084.800.843
Vay dài hạn đến hạn trả	11.358.128.194	11.961.635.179	13.148.680.282	10.171.083.091
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng	1.642.616.862	4.884.035.179	3.433.168.950	3.093.483.091
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng	9.715.511.332	7.077.600.000	9.715.511.332	7.077.600.000
Nợ thuê tài chính đến hạn	198.816.000	1.988.204.000	-	2.187.020.000
- Ủy ban Nhân dân Huyện Phù Mỹ	198.816.000	1.988.204.000	-	2.187.020.000
Cộng	181.460.112.245	621.913.454.711	573.140.054.391	230.233.512.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay dài hạn	42.437.097.054	1.951.735.149	13.148.680.282	31.240.151.921
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Đà Nẵng (a)	7.937.788.741	1.951.735.149	3.433.168.950	6.456.354.940
- Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Đà Nẵng (b)	34.499.308.313	-	9.715.511.332	24.783.796.981
Nợ thuê tài chính	2.187.020.000	-	-	2.187.020.000
- Ủy ban Nhân dân Huyện Phù Mỹ (c)	2.187.020.000	-	-	2.187.020.000
Cộng	44.624.117.054	1.951.735.149	13.148.680.282	33.427.171.921
Trong đó:				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	11.358.128.194			10.171.083.091
- Nợ thuê tài chính đến hạn	198.816.000			2.187.020.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	33.067.172.860			21.069.068.830

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty có các hợp đồng vay dài hạn như sau:

a) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh tại Đà Nẵng theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng tín dụng số 6715.21.301.50297.TD ngày 23/04/2021 để mua máy móc thiết bị ngành may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với các máy móc thiết bị có giá trị < 30.000.000 VND: tối đa 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; đối với các máy móc thiết bị còn lại thời hạn tối đa: 48 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng văn bản nhận nợ. Hợp đồng vay được thế chấp bất động sản tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: 81 Thái Phiên, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; hàng tồn kho; công trình xây dựng trên đất là nhà xưởng giai đoạn II tại thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ theo Hợp đồng thuê đất số 78-2005/HĐ_TĐ ngày 22/05/2005 giữa UBND tỉnh Bình Định và Công ty Sản xuất XNK dệt may Đà Nẵng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 34498.22.301.50297.TD ngày 04/10/2022 để mua máy móc thiết bị ngành may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với các máy móc thiết bị có giá trị < 30.000.000 VND: tối đa 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; đối với các máy móc thiết bị còn lại thời hạn tối đa: 48 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng văn bản nhận nợ. Hợp đồng vay được thế chấp bất động sản tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 7, địa chỉ: 81 Thái Phiên, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; hàng tồn kho; công trình xây dựng trên đất là nhà xưởng giai đoạn II tại thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ theo Hợp đồng thuê đất số 78-2005/HĐ_TĐ ngày 22/05/2005 giữa UBND tỉnh Bình Định và Công ty Sản xuất XNK dệt may Đà Nẵng và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 153857.23.301.50297.TD ngày 31/08/2023 để mua máy móc thiết bị ngành may phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay đối với các máy móc thiết bị có giá trị < 30.000.000 VND: tối đa 24 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân; đối với các máy móc thiết bị còn lại thời hạn tối đa: 48 tháng; Thời hạn cho vay cụ thể sẽ được quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng văn bản nhận nợ. Hợp đồng vay được thế chấp bằng toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

b) Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh tại Đà Nẵng theo 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2017-HĐCVĐADT/NHCT480-VINATEX DA NANG ngày 29/06/2017 để Đầu tư mở rộng Nhà máy may Dung Quất. Thời hạn vay của hợp đồng là 84 tháng tính từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ. Hợp đồng vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất hình thành từ vốn vay.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2019- HĐCVĐADT/NHCT480 ngày 17/06/2019 và Văn bản sửa đổi bổ sung số 03/2021 ngày 16/04/2021 với thời hạn vay 108 tháng. Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư Nhà máy May Nghĩa Hành. Lãi suất cho vay: thả nổi. Tài sản thế chấp là toàn bộ Quyền đòi nợ luân chuyển dưới hình thức các khoản phải thu của Công ty và toàn bộ hàng tồn kho với giá trị tối thiểu là 5 tỷ đồng (gồm hàng trong kho, hàng ngoài kho, hàng mua đang đi đường, hàng được ký gởi tại các đại lý...) và tài sản hình thành từ dự án đó.

c) Thuê tài chính với Ủy ban Nhân dân Huyện Phù Mỹ theo Hợp đồng số 01/VH/2010/HĐTD ngày 25/06/2010 về thuê nhà xưởng, vật kiến trúc. Thời hạn thuê là 15 năm kể từ thời điểm nhận nợ đầu tiên. Lãi suất cho thuê 0%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2024	01/01/2024
Thuế suất sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	5.195.236.400	5.538.098.468
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	5.195.236.400	5.538.098.468

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

24. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2023	29.939.100.000	1.543.300.000	(182.700.000)	20.339.523.343	24.547.212.254	5.109.265.469	81.295.701.066
Tăng trong năm	1.490.000.000	-	-	1.166.106.673	-	-	2.656.106.673
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	3.936.889.861	-	3.936.889.861
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(6.458.583.934)	(6.458.583.934)
Giảm trong năm	-	54.500.000	-	-	8.593.673.346	-	8.648.173.346
Số dư tại 31/12/2023	31.429.100.000	1.488.800.000	(182.700.000)	21.505.630.016	19.890.428.769	(1.349.318.465)	72.781.940.320
Số dư tại 01/01/2024	31.429.100.000	1.488.800.000	(182.700.000)	21.505.630.016	19.890.428.769	(1.349.318.465)	72.781.940.320
Tăng trong năm	1.560.000.000	-	-	-	-	-	1.560.000.000
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	5.799.681.853	-	5.799.681.853
Lỗ trong năm phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	(3.375.603.958)	(3.375.603.958)
Giảm trong năm	-	65.600.000	-	-	6.261.460.000	-	6.327.060.000
Số dư tại 31/12/2024	32.989.100.000	1.423.200.000	(182.700.000)	21.505.630.016	19.428.650.622	(4.724.922.423)	70.438.958.215

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

b. Cổ phiếu

	31/12/2024 Cổ phiếu	01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.298.910	3.142.910
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.298.910	3.142.910
- Cổ phiếu phổ thông	3.298.910	3.142.910
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	12.180	12.180
- Cổ phiếu phổ thông	12.180	12.180
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.730	3.130.730
- Cổ phiếu phổ thông	3.286.730	3.130.730
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	19.890.428.769	24.547.212.254
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	5.799.681.853	3.936.889.861
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	6.261.460.000	8.593.673.346
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	1.166.106.673
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.166.106.673
- Trả cổ tức	6.261.460.000	6.261.460.000
Tạm phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	19.428.650.622	19.890.428.769

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21/06/2024.

d. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 ngày 21/06/2024 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2023 bằng tiền với tỷ lệ 20% vốn điều lệ (tương ứng 6.261.460.000 đồng). Công ty đã chốt quyền nhận cổ tức này vào ngày 08/08/2024 và ngày thực hiện chi trả là 28/08/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán

a. Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2024	01/01/2024
Nguyên vật liệu nhận giữ hộ gia công	65.034.734.205	102.588.779.285

b. Ngoại tệ

	31/12/2024	01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
- USD	1.459.235,01	543.338,29
- EUR	234,08	323,61

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2024	Năm 2023
Doanh thu bán thành phẩm	704.452.629.916	632.206.739.077
Doanh thu các hoạt động khác	2.376.363.690	2.470.766.657
Cộng	706.828.993.606	634.677.505.734

27. Các khoản giảm trừ

	Năm 2024	Năm 2023
Giảm giá hàng bán	196.731.149	242.356.597
Cộng	196.731.149	242.356.597

28. Giá vốn hàng bán

	Năm 2024	Năm 2023
Giá vốn của thành phẩm đã bán	646.948.126.954	569.574.289.074
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	740.306.580	1.407.820.794
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.482.110.237	209.249.646
Cộng	651.170.543.771	571.191.359.514

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	169.554.295	325.493.432
Lãi chênh lệch tỷ giá	9.787.375.467	8.756.084.073
Cộng	9.956.929.762	9.081.577.505

30. Chi phí tài chính

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí lãi vay	11.062.025.049	13.563.416.184
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư tài chính	54.428.128	49.484.431
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.280.712.988	4.575.330.536
Cộng	15.397.166.165	18.188.231.151

31. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí hàng xuất khẩu, vận chuyển	17.793.947.669	20.308.876.018
Tiền lương nhân viên bán hàng	7.585.889.383	4.503.907.534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.061.877.414	7.744.110.534
Các khoản khác	703.825.441	538.295.296
Cộng	35.145.539.907	33.095.189.382

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ	947.903.084	821.667.277
Tiền lương nhân viên quản lý	8.339.497.849	6.206.103.463
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.113.977.443	2.356.759.014
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.585.295.775	3.342.473.419
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	34.447.035	
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.203.080.688	4.562.399.640
Các khoản khác	840.453.526	1.891.821.298
Cộng	17.064.655.400	19.181.224.111

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

32. Thu nhập khác

	Năm 2024	Năm 2023
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	400.340.000	-
Tiền bảo hiểm bồi thường tổn thất do lũ lụt	-	6.751.143.541
Thu nhập từ thanh lý hàng bị lũ lụt	-	211.070.500
Xử lý công nợ tồn lâu	3.903.162.738	-
Tiền phạt thu được	5.285.328	26.735.195
Các khoản khác	16.498.307	33.779.611
Cộng	4.325.286.373	7.022.728.847

33. Chi phí khác

	Năm 2024	Năm 2023
Lỗ từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	2.265.901.328
Các khoản chi phí khác phục hàng tổn thất do lũ lụt	-	6.793.546.292
Các khoản bị phạt, nộp chậm thuế	108.371.632	611.517.101
Chi phí khác	3.515.690	106.267.317
Cộng	111.887.322	9.777.232.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2024	Năm 2023
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.738.996.369	(760.883.158)
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	6.054.418.063	4.906.057.554
Điều chỉnh tăng	8.103.039.695	14.961.581.695
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	-	480.236.368
- Chi phụ cấp HĐQT không trực tiếp điều hành	146.666.668	132.000.000
- Các khoản CP không tính vào CP tính thuế	137.904.063	738.450.381
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thành đã thực hiện năm nay	-	313.825.694
- Chi phí khấu hao tương ứng với nguyên giá trên 1,6 tỷ đồng của xe ô tô chở người dưới 9 chỗ ngồi	116.285.714	116.285.714
- Lỗ tại Công ty con	6.888.987.669	13.180.783.538
- Chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định 132/NĐ-CP	813.195.581	-
Điều chỉnh giảm	2.048.621.632	10.055.524.141
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm nay	1.568.385.264	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước thành đã thực hiện năm nay	480.236.368	4.737.717.224
- Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng trong năm	(1.714.310.342)	5.184.909.368
- Lãi trong công ty liên kết, I.doanh	1.714.310.342	132.897.549
Tổng thu nhập chịu thuế	9.793.414.432	4.145.174.396
Từ hoạt động ưu đãi	712.256.238	747.146.664
Từ hoạt động không ưu đãi	9.081.158.194	3.398.027.732
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.887.457.262	754.320.212
Từ hoạt động ưu đãi	71.225.624	74.714.666
Từ hoạt động không ưu đãi	1.816.231.638	679.605.546
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	204.631.200	239.837.855
- Chi thêm cho lao động nữ	204.631.200	239.837.855
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.682.826.062	514.482.357
Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.657.780.542	723.829.042
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm nay	1.682.826.062	514.482.357
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	(25.045.520)	209.346.685

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(342.862.068)	1.036.981.873
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(342.862.068)	1.036.981.873

36. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	5.799.681.853	3.936.889.861
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	-
LN hoặc lỗ p.bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.799.681.853	3.936.889.861
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.154.664	3.113.177
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.838	1.265

Lãi cơ bản/ suy giảm trên cổ phiếu năm 2024 chưa trừ Quỹ khen thưởng phúc lợi do Điều lệ và Nghị quyết Đại hội cổ đông không quy định. Số liệu này có thể thay đổi tùy thuộc vào Quyết định chia Quỹ khen thưởng phúc lợi của Đại hội cổ đông sau này.

37. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024	Năm 2023
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	262.821.408.831	241.181.004.983
Chi phí nhân công	304.073.994.954	295.768.220.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.938.320.967	15.805.810.463
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.914.637.028	54.616.896.239
Chi phí khác bằng tiền	16.832.501.988	21.416.633.262
Cộng	687.580.863.768	628.788.565.876

38. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất hàng may mặc xuất khẩu và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

39. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất, rủi ro về tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua bán hàng và vay nợ có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

		31/12/2024	01/01/2024
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	USD	1.459.235,01	543.338,29
	EUR	234,08	323,61
Phải thu khách hàng	USD	4.728.793,28	4.659.182,86
Nợ tài chính			
Các khoản vay và nợ	USD	5.280.751,66	5.077.469,95
Phải trả người bán	USD	462.430,85	997.759,23

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua nguyên phụ liệu, vật tư, thiết bị từ nhà cung cấp trong nước và nhập khẩu nguyên vật liệu, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá đầu vào. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng trực tiếp với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hoá các nguồn cung cấp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này thông qua việc xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi, đôn đốc tình hình thu hồi nợ để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Đối với các khách hàng ở nước ngoài, Công ty thường qui định phương thức thanh toán trong Hợp đồng là thanh toán bằng L/C. Đối với những khách hàng không thanh toán đúng hạn, Công ty đã thực hiện phân loại tuổi nợ và trích lập dự phòng, đồng thời tiến hành các thủ tục khởi kiện dân sự. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	46.900.753.696	-	46.900.753.696
Chi phí phải trả	4.327.635.082	-	4.327.635.082
Vay và nợ thuê tài chính	230.233.512.565	21.069.068.830	251.302.581.395
Phải trả khác	2.044.915.991	10.000.000	2.054.915.991
Cộng	283.506.817.334	21.079.068.830	304.585.886.164
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	44.702.420.132	-	44.702.420.132
Chi phí phải trả	5.089.682.745	-	5.089.682.745
Vay và nợ thuê tài chính	181.460.112.245	33.067.172.860	214.527.285.105
Phải trả khác	3.592.703.262	10.000.000	3.602.703.262
Cộng	234.844.918.384	33.077.172.860	267.922.091.244

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty có rủi ro thanh khoản nhưng tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.108.620.611	-	42.108.620.611
Đầu tư tài chính	-	178.394.624	178.394.624
Phải thu khách hàng	149.187.776.061	-	149.187.776.061
Phải thu khác	170.724.073	2.460.493.000	2.631.217.073
Cộng	191.467.120.745	2.638.887.624	194.106.008.369
01/01/2024	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	19.032.201.675	-	19.032.201.675
Đầu tư tài chính	-	232.822.752	232.822.752
Phải thu khách hàng	114.909.421.525	-	114.909.421.525
Phải thu khác	1.071.220.565	2.460.493.000	3.531.713.565
Cộng	135.012.843.765	2.693.315.752	137.706.159.517

40. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Công ty đầu tư
Công ty CP May Vinatex Đức Phở	Công ty liên kết
Công ty TNHH Giặt tẩy Nhà Bè	Công ty liên kết

b. Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	Khoản mục	31/12/2024	01/01/2024
Công ty CP May Vinatex Đức Phở	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.000.000.000	11.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

c. Chi phí thù lao và thu nhập của các thành viên chủ chốt

Bên liên quan	Chức vụ		Năm 2024	Năm 2023
Ông Phạm Phú Cường	Chủ tịch HĐQT	Thù lao HĐQT	180.000.000	180.000.000
		Thưởng	330.000.000	530.000.000
Ông Nguyễn Xuân Đồng	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000	48.000.000
		Thưởng	50.000.000	50.000.000
Ông Lê Thúc Dung	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000	-
Ông Hồ Hai	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000	48.000.000
		Tổng Giám đốc	975.052.549	1.139.714.631
Ông Đặng Trọng Tâm	Thành viên HĐQT	Thù lao HĐQT	48.000.000	48.000.000
		Phó Tổng Giám đốc	1.111.800.352	1.126.362.336
Ông Phạm Vũ Bằng	Thư ký HĐQT	Thù lao HĐQT	36.000.000	36.000.000
		Giám Đốc Điều Hành	684.431.024	805.451.313

Bên liên quan	Chức vụ		Năm 2024	Năm 2023
Ông Huỳnh Tấn Long	Trưởng Ban Kiểm Soát	Thù lao BKS	60.000.000	60.000.000
		Thưởng	50.000.000	50.000.000
Ông Lương Chương	Thành viên Ban Kiểm soát	Thù lao BKS	120.000.000	120.000.000
		Thưởng	51.000.000	61.100.000
Ông Nguyễn Thăng Long	Thành viên Ban Kiểm soát	Thù lao BKS	36.000.000	36.000.000
		Thưởng	30.000.000	30.000.000
Ông Văn Hữu Thành	Phó Tổng Giám đốc	Lương, thưởng	584.649.362	730.884.506
Ông Trần Văn Tiến	Giám Đốc Điều Hành	Lương, thưởng	-	271.675.067
Ông Nguyễn Thành An	Giám Đốc Điều Hành	Lương, thưởng	590.122.985	765.864.927
Bà Lê Đình Bích Hợp	Kế toán trưởng	Lương, thưởng	598.830.177	713.415.586

41. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

42. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi AAC.



Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Hồ Hai

Lê Đình Bích Hợp

Trần Thị Thi

Đà Nẵng, ngày 18 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024



Thành phố Đà Nẵng, ngày 02 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



HỒ HAI